

Nhị Tấn

Nhạc Tài Tử Nam Bộ

TẬP 2

Nhị Tấn

Phần Chánh Biên

B – THẬP BÁT VĨ

1 – LƯU THỦY TÀU MÃ

(16 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Tồn	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
2 - Xê Xang	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
3 - Xang	(XÊ)	Cổng Xê	(XANG)
4 - Xê Xang	(XỰ)	Hò Xang Xê	(CỔNG)
5 - Tồn	(CỔNG)	Xê Xang Cổng	(XÊ)
6 - Tồn	(XÊ)	Xê Cọng	(LIU)
7 - Tồn	(LIU)	Cọng Liu	(Ú)
8 - Tồn	(Ú)	Ú Xáng Ú	(LIU)
9 - Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu Cọng	(XÊ)
10 - Tồn	(XÊ)	Liu Xê Cọng	(LIU)
11 - Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu Cọng	(XÊ)
12 - Tồn	(LIU)	Ú Liu Cọng	(XÊ)
13 - Liu	(CỘNG)	Liu Cọng Xê	(XANG)
14 - Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
15 - Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
16 - Xê Xang	(XÊ)	Xang Xê Cổng	(HÒ)

2 – PHÚ LỤC TÀU MÃ

(17 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	(Ú)	Ú Tồn	(Ú)
2 - Xê	(XÁNG)	Ú Xáng	(LIU)
3 - Cọng	(XÊ)	Xáng Xê Cọng	(LIU)
4 - Cọng Liu	(Ú)	Xáng Liu	(- -)
5 - Cọng	(LIU)	Liu Cọng	(XÊ)
6 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
7 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
8 - Cổng Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)
9 - Cọng	(LIU)	Liu Cọng	(XÊ)
10 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
11 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
12 - Cổng Xê	(XANG)	Xang Xê	(- -)
13 - Hò	(XỰ)	Xự Xang	(XÊ)
14 - Cổng	(XÊ)	Cổng Xê	(XANG)
15 - Xê	(XÁNG)	Xáng Tồn	(LIU)

B – THẬP BÁT VĨ

1 – LƯU THỦY TẤU MÃ Vân Tiên cứu Nguyệt Nga

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - (Nàng) Nguyệt (Nga)
- 2 - (Về) quê (xa)
- 3 - (Lo) bề nghi (gia)
- 4 - Trên (đường) gặp (cướp)
- 5 - Phận (gái) khuê (môn)
- 6 - (Chàng) Vân (Tiên)
- 7 - Ra (tài) giải (cứu)
- 8 - (Thoát) cảnh họa (tai)
- 9 - Tiết (hạnh) vẹn (gìn)
- 10 - Anh (hùng) thiên (quyên)
- 11 - Gặp (gở) giữa (đang)
- 12 - Đèn (on) trâm (vàng)
- 13 - Phận (ý) Vân (Tiên)
- 14 - Giá (từ) bài (thơ)
- 15 - Đối (họa) hòa (nhau)
- 16 - Như Điều (Mai) Lộc (Tùng)

2 – PHÚ LỤC TẤU MÃ Nguyệt Nga họa tượng Vân Tiên

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - Vân (Tiên) về (quê)
- 2 - Nguyệt (Nga) về Hà (Khê)
- 3 - Trải qua (- -) dẫu tỏ dang (dê)
- 4 - Mây (mặt) cứ ủ ê (- -)
- 5 - Kiêu (Công) xem đã nghi (lòng)
- 6 - Nàng (đem) chuyện trước (sau)
- 7 - Ngỏ (mong) đèn ơn (sâu)
- 8 - Nhưng chàng (bật) bóng câu (- -)
- 9 - Lâu (tây) trông điểm ba (hồi)
- 10 - Nguyệt (Nga) lòng xót (xa)
- 11 - Mới (ra) dạo vườn (hoa)
- 12 - Nhớ (thương) chàng thiết tha (- -)
- 13 - Trở vô (nhà) lấy bút (nghiên)
- 14 - Họa (ra) bức tượng Vân (Tiên)
- 15 - Rằng (than) ngàn dặm sơn (xuyên)

16 - Cộng	(XỀ)	Tồn Xê Cộng	(LIU)
17 - Cộng Liu	(Ú)	Xáng Liu	(- -)

3 – BÌNH BÁN TẤU MÃ

(22 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Tồn	(LIU)	Xê Xáng	(Ú)
2 - Ú Liu	(CỘNG)	Ú Liu	(- -)
3 - Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
4 - Liu Liu	(XỀ)	Cộng Liu	(- -)
5 - Tồn	(LIU)	Ú Liu	(- -)
6 - Liu	(- -)	Xê Liu	(CỘNG)
7 - Xê	(XANG)	Xê Liu	(CỔNG)
8 - Tồn	(CỘNG)	Liu Xáng	(Ú)
9 - Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
10 - Tồn	(CỘNG)	Liu Ú	(- -)
11 - Xê	(XÁNG)	Tồn Liu	(- -)
12 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(XỀ)
13 - Tồn	(LIU)	Cộng Liu	(XỀ)
14 - Cống Liu	(XỀ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
15 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(CỔNG)
16 - Liu Liu	(Ú)	Xáng Liu	(- -)
17 - Xự	(XANG)	Xang Xự	(XANG)
18 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
19 - Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê	(- -)
20 - Liu Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
21 - Cống	(- -)	Liu Xê Xang	(XỰ)
22 - Liu	(LIU)	Cống Xê	(XANG)

4 – CỔ BÁN TẤU MÃ

(34 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Hò	(XỀ)	Cống Xê	(XANG)
2 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
3 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
4 - Hò	(XỀ)	Cống Xê	(XANG)
5 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
6 - Liu Liu	(XỀ)	Phạn Liu	(- -)
7 - Tồn	(LIU)	Liu Liu	(CỘNG)
8 - Tồn	(LIU)	Liu Cộng	(XỀ)

- 16 - Chữ on (đành) để dạ (riêng)
- 17 - Sầu (nhuộm) chữ duyên (- -)

3 – BÌNH BÁN TẤU MÃ
Vân Tiên kết bạn Hón Minh

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - Vân (Tiên) gặp người ra (kinh)
- 2 - Mặt đen (sì) rất hung (- -)
- 3 - Hón (- -) Minh tánh (tự)
- 4 - Quê (nhà) Ô Mi (- -)
- 5 - Ra kinh (kỳ) để thi (- -)
- 6 - Vân Tiên (- -) thì rõ (đặng)
- 7 - Tài (cao) ắt dị (tuớng)
- 8 - Kết (tình) chi (giao)
- 9 - Lúc (- -) khó khăn hoạn (nạn)
- 10 - Bè (bạn) giúp nhau (- -)
- 11 - Và (lúc) hiển vinh (- -)
- 12 - Cũng (không) hề quên (nhau)
- 13 - Một (cây) không tạo nên (rừng)
- 14 - Vân (Tiên) Hón Minh kết (bạn)
- 15 - Đồng (sanh) cộng (tử)
- 16 - Bằng (hữu) keo sơn (- -)
- 17 - Sẵn (đây) miếu võ gân (bên)
- 18 - Ta (vô) cùng nghỉ (chân)
- 19 - Vân Tiên (liền) nói ra (- -)
- 20 - Họ (tên) cùng quê (nhà)
- 21 - Phải (- -) về thăm cha (mẹ)
- 22 - Vân (Tiên) từ giả Hón (Minh)

4 – CÔ BÁN TẤU MÃ
Vân Tiên kết bạn Tử Trục

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - Vân (Tiên) đến nhà nhạc (gia)
- 2 - Cầm sắt (mừng) môi tơ (duyên)
- 3 - Liếc (nhìn) Vân (Tiên)
- 4 - Võ (Công) khá (khen)
- 5 - Phước (hiền) họ Lục sanh (con)
- 6 - Mắt phụng mày (tằm) môi son (- -)
- 7 - Mươi (phân) cốt cách vuông (tròn)
- 8 - Con (nay) quyết đi tỵ (trường)

9 - Liu Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
10 - Xang	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
11 - Cổng	(XÊ)	Xang Xê	(- -)
12 - Cộn	(CỘNG)	Tồn Liu	(- -)
13 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
14 - Xáng Xáng	(- -)	Xáng Tôn	(LIU)
15 - Ú	(LIU)	Phạn Liu	(- -)
16 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
17 - Xáng Xáng	(- -)	Xáng Tôn	(LIU)
18 - Ú	(LIU)	Phạn Liu	(- -)
19 - Tôn	(LIU)	Liu Liu	(CỘNG)
20 - Tôn	(LIU)	Liu Cộn	(XÊ)
21 - Tôn	(XÊ)	Xê Cộn	(LIU)
22 - Liu Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
23 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
24 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
25 - Cộn	(XÊ)	Xê Cộn	(LIU)
26 - Liu Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
27 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
28 - Liu Liu	(XÊ)	Phạn Liu	(- -)
29 - Tôn	(LIU)	Liu Liu	(XÊ)
30 - Liu Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
31 - Xê	(XANG)	Hò Xự	(XANG)
32 - Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
33 - Liu Liu	(XÊ)	Liu cộn	(LIU)
34 - Tôn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)

5 – XUÂN TÌNH TẤU MÃ
(24 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Tôn	(CỘNG)	Cổng Xê	(XANG)
2 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
3 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
4 - Tôn	(CỘNG)	Cổng Xê	(XANG)
5 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
6 - Xang Xang	(XỰ)	Xang	(- -)
7 - Liu Liu	(XÊ)	Phạn Tôn	(LIU)
8 - Tôn	(LIU)	Liu Liu	(CỘNG)
9 - Liu Liu	(- -)	Cộn Liu	(XÊ)
10 - Lú Cộn	(- -)	Xê Xang	(XỰ)

- 9 - Sao không (- -) làm bạn cùng (ai)
- 10 - Gân (đây) có một họ (Vương)
- 11 - Tót (vòi) Vãn chương (- -)
- 12 - Tử (Trực) là tên (- -)
- 13 - Cha đã (sai) trẻ qua mời (sang)
- 14 - Để thử (- -) tài thấp (cao)
- 15 - Duyên trước (mai) ước ao (- -)
- 16 - Xảy (đâu) Tử Trực tới (nơi)
- 17 - Võ Công (- -) đặt bầu rượu (ngon)
- 18 - Ở (này) hai con (- -)
- 19 - Thơ (hay) rượu thưởng (liền)
- 20 - Hữu (duyên) bình thủy làm (đề)
- 21 - Giao (kề) hai gã song (song)
- 22 - Lục Vương (- -) hai họ thi (đua)
- 23 - Cho (hay) kỳ lại gặp (nhau)
- 24 - Bảng (vàng) thẻ bạc làm (nên)
- 25 - Khoa (kỳ) chắc có (tên)
- 26 - Họ Vương (- -) mên Vân (Tiên)
- 27 - Trực (xin) nhường làm (anh)
- 28 - Kết (nguyên) đệ huynh (- -)
- 29 - Hẹn (mai) sẽ thượng (trình)
- 30 - Bóng trắng (- -) vừa lộ nhành (dâu)
- 31 - Vân (Tiên) tạ từ ra (đi)
- 32 - Thẻ (Loan) nghiêm chỉnh dung (nghi)
- 33 - Thương liễu (bò) ngậy (thơ)
- 34 - Xin đừng tham (- -) đó bỏ (đăng)

5 – XUÂN TÌNH TẤU MÃ

Ông quán

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - (Quán) có thiếu (chi)
- 2 - Ê (hề) cá (tôm)
- 3 - Bộn (bề) chã phụng khô (lân)
- 4 - Kìa (thuộc) lá ướp (ngâu)
- 5 - Rượu (bầu) cúc (hương)
- 6 - Để đãi (khách) giàu sang (- -)
- 7 - Trang anh (hùng) bực vãn (nhon)
- 8 - (Khi) bĩ bàn trà (rượu)
- 9 - Cùng nhau (- -) họp bốn (người)
- 10 - Ngồi xuống (- -) làm thơ tìm (vần)

11 - Xê Xang	(XỤ)	Xang Xê	(--)
12 - Cộg	(CỘG)	Tồn Liu	(--)
13 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
14 - Líu Cộg	(--)	Xê Xang	(XỤ)
15 - Liu Liu	(XỀ)	Phạn Tồn	(LIU)
16 - Liu Liu	(--)	Tồn Liu	(CỘG)
17 - Liu Liu	(--)	Cộg Xê	(XANG)
18 - Xang Xang	(XỤ)	Xang	(--)
19 - Hò	(--)	Cộg Xê	(XANG)
20 - Cộg	(CỘG)	Tồn Liu	(--)
21 - Liu Liu	(--)	Tồn Liu	(CỘG)
22 - Liu Liu	(--)	Cộg Xê	(XANG)
23 - Xang Xang	(XỤ)	Xang	(--)
24 - Liu Liu	(XỀ)	Phạn Tồn	(LIU)

6 – TÂY THI TÀU MÃ

(26 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Liu Liu	(--)	Xề Phạn	(LIU)
2 - Xề Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
3 - Tồn	(CỘG)	Ú Liu	(XỀ)
4 - Cộg Cộg	(TỒN)	Liu	(--)
5 - Liu	(LIU)	Cộg Xê	(XANG)
6 - Líu Cộg	(--)	Xê Xang	(XỤ)
7 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
8 - Liu Liu	(--)	Cộg Xê	(XANG)
9 - Xang Xang	(TỒN)	Xang	(--)
10 -	(Ú)	Ú Tồn	(Ú)
11 - Xề Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
12 - Xê Xang	(--)	Xê Líu	(CỘG)
13 - Liu Liu	(--)	Xề Cộg	(LIU)
14 - Cộg Cộg	(TỒN)	Liu	(--)
15 - Xề Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
16 - Tồn	(CỘG)	Ú Liu	(XỀ)
17 - Cộg Cộg	(TỒN)	Liu	(--)
18 - Liu	(LIU)	Cộg Xê	(XANG)
19 - Líu Cộg	(--)	Xê Xang	(XỤ)
20 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
21 - Liu Liu	(--)	Cộg Xê	(XANG)
22 - Xang Xang	(TỒN)	Xang	(--)

- 11 - Thơ Tiên (Trực) làm xong (- -)
- 12 - Hâm (Kiệm) ngăn ngơ (- -)
- 13 - Ông quán (liền) cười vồ (tay)
- 14 - Tiên hỏi (- -) sao ông (cười)
- 15 - Quán rằng (cười) kẻ đồ (thơ)
- 16 - Cười người (- -) Tôn Tần không (lừa)
- 17 - Để cho (- -) mắc phải Bàng (Quyên)
- 18 - Phải (họa) chặt chân (- -)
- 19 - Lời (- -) nói hữu (duyên)
- 20 - Tử (Trực) thốt lời khen (- -)
- 21 - Vân Tiên (- -) chưa tường trong (đục)
- 22 - Thương (- -) ghét, ghét (thương)
- 23 - Lẽ (nào) là ghét thương (- -)
- 24 - Xin vui (lòng) dạy bảo (cho)

6 – TÂY THI TẤU MÃ

Ông quán

Soạn lời : Nhị Tấn

- 1 - Quán tôi (- -) ghét vào trong (tâm)
- 2 - Ghét mê dâm (- -) đòi Kiệt (Trụ)
- 3 - Để dân (phải) sẩy hang sa (hầm)
- 4 - Ghét đòi U (Lệ) đa đoan (- -)
- 5 - Khiến (dân) phải chịu lầm (than)
- 6 - Ngũ Bá (- -) phân vân cả (đời)
- 7 - Chuộng (bè) dôi trá gạt (dân)
- 8 - Ghét (đời) Thúc Quý phân (băng)
- 9 - Sớm đầu tối (đánh) rồi dân (- -)
- 10 - (Thương) đức Thánh (nhân)
- 11 - Bao phen (- -) lặn (đạn)
- 12 - Thương (- -) thầy Nhan (Tử)
- 13 - Sớm tách (- -) đường công (danh)
- 14 - Gia Cát (- -) thương ông (- -)
- 15 - Đành phôi pha (- -) cơn Hớn (mặt)
- 16 - Thầy Đông (Tử) cao xa tuyệt (vời)
- 17 - Có chí (mà) không ngôi (- -)
- 18 - Thương (người) Nguyên Lượng từ (quan)
- 19 - Giũ áo (- -) lui về (cày)
- 20 - Thương ông (Hàn) Dũ chẳng (may)
- 21 - Dâng (- -) biểu bị đày (xa)
- 22 - Thương thầy Liêm (Lạc) đã ra (- -)

23 - Cộg Cộg	(TỒN)	Xê	(- -)
24 - Cộg Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỔNG)
25 - Líu Líu	(- -)	Cộg Xê	(XANG)
26 - Cộg Cộg	(TỒN)	Líu	(- -)

7 – LƯU THỦY VẤN

(16 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -	(- -)	Là	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
2 - Xê	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
3 - Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
4 - Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
Xê Xang	(XỰ)	Xang Xê Líu	(CỔNG)
5 - Cộg	(CỔNG)	Tồn	(CỔNG)
Cộg Xê	(XANG)	Xê Cộg Líu	(XÊ)
6 - Tồn	(XÊ)	Cộg Líu	(XÊ)
Cộg Cộg	(XỀ)	Cộg Tồn	(LIU)
7 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Líu	(CỔNG)
Ú Líu	(- -)	Cộg Tồn Líu	(Ú)
8 - Tồn	(Ú)	Ú Tồn	(Ú)
Xáng Ú	(- -)	Xê Xáng Tồn	(LIU)
9 - Tồn	(Ú)	Ủ U Líu	(CỔNG)
Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộg Líu	(XỀ)
10 - Tồn	(XÊ)	Cộg Líu	(XÊ)
Cộg Cộg	(XỀ)	Cộg Tồn	(LIU)
11 - Tồn	(Ú)	Ủ Ú Líu	(CỔNG)
Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộg Líu	(XỀ)
12 - Tồn	(XỀ)	Xê Tồn	(LIU)
Ú Ú	(LIU)	Tồn Cộg Líu	(XỀ)
13 - Tồn	(XÊ)	Líu Xang Xê	(CỔNG)
Tồn Líu	(- -)	Cộg Xê	(XANG)
14 - Xê	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
15 - Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)
Xê Xang	(XỰ)	Xang Cộg Líu	(XÊ)
16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
Cộg Cộg	(XỀ)	Cộg Tồn	(LIU)

- 23 - Bị xua đuổi (về) giáo dân (- -)
- 24 - Xem (qua) mấy lần kinh (sử)
- 25 - Nào hay (- -) chùa rách Phật (vàng)
- 26 - Trong quán ăn (tàng) kinh luân (- -)

7 – LƯU THỦY VẤN
Kiều du thanh minh

Soạn lời : Ba Hương (Hoàng Linh Giang)

- 1 - (- -) (Kiều)
Xưa (- -) du thanh (minh)
- 2 - Bỗng (dưng) Kim Trọng gặp (người)
Sau hồi (- -) viếng mộ Đạm (Tiên)
- 3 - Thảm (thương) cho mồ không (chông)
Trắc ẩn trong (lòng) nỗi niềm vắn (vương)
- 4 - Nên vái (van) đốt nén hương (tàn)
Có hiển (linh) về đây chứng (chiếu)
- 5 - Hỡi (người) nơi chín (suối)
Đây là (- -) một tấm lòng (thành)
- 6 - (Ai) bạn đời cố (tri)
Ôi (sao) chẳng chút sầu (bi)
- 7 - Kiêu đương (nhiên) bỗng đâu lại (gặp)
Kẻ kia (- -) Kim Trọng vừa (ưa)
- 8 - (Đoàn) người ngựa cùng (qua)
Đưa mắt nhìn (- -) bắt chợt gặp (nhau)
- 9 - Vương (Quan) vốn tình bè (bạn)
Hàn (huyền) tâm sự mấy (lời)
- 10 - Kiêu (vội) trở lại gia (đàng)
Đêm lẫn (ngày) luống những đa (mang)
- 11 - Mơ (màng) thấy hình chàng (Trọng)
Tur lương (- -) tất dạ nào (nề)
- 12- Nhưng (nào) dám hờ (môi)
Vườn hoa (- -) thần thờ một (minh)
- 13 - Bỗng (đâu) trâm vàng lại (gặp)
Mới xui nên (- -) duyên cải nợ (kim)
- 14 - Bối (câu) hiểu đạo sanh (thành)
Kiêu bán (minh) chuộc tội cho (cha)
- 15 - Thằng bán (tơ) thỉnh linh gieo (họa)
Mà thân (Kiều) chịu cảnh điêu (linh)
- 16 - Dẫn thân trên (đường) phiêu linh (- -)
Mặc cho (đời) đưa đẩy đẩy (đưa)

8 – PHÚ LỤC VĂN

(17 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -	(- -)	Tồn	(Ú)
Ú Ú	(TỒN)	Ú	(- -)
2 -	(- -)	Xáng	(Ú)
Xáng Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
3 - Tồn	(CỘNG)	Cộng líu	(XÊ)
Cộng Cộng	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)
4 - Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
Xáng Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)
5 - Xừ	(CỘNG)	Xừ Cộng Xừ	(LIU)
Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
6 - Xê	(XANG)	Xê Xê Xang	(XU)
Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
7 - Tồn	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XU)
Xang Công	(- -)	Xê Xang Công	(XÊ)
8 - Tồn	(CỔNG)	Líu Công Xê	(XANG)
Công Xê	(XANG)	Công Xê	(- -)
9 - Xừ	(CỘNG)	Xừ Cộng Xừ	(LIU)
Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
10 - Xê	(XANG)	Xê Xê Xang	(XU)
Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
11 - Tồn	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XU)
Xang Công	(- -)	Xê Xang Công	(XÊ)
12 - Tồn	(CỔNG)	Líu Công Xê	(XANG)
Công Xê	(XANG)	Công Xê	(- -)
13 - Tồn	(LIU)	Xê Xáng	(Ú)
Xang Xang	(- -)	Xự Xang	(XÊ)
14 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
Xê	(- -)	Xê Xê	(XANG)
15 - Là	(HÒ)	Xang Hò Xự	(XANG)
Xê Xê	(XÁNG)	Tồn Ú Xáng	(LIU)
16 - Tồn	(CỘNG)	Cộng Liu	(XÊ)
Cộng Cộng	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)
17 - Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
Xáng Xáng	(TỒN)	Liu	(- -)

9 – BÌNH BÁN VĂN

(22 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

8 – PHÚ LỤC VẤN Tiền sử Việt Nam

- 1 - (- -) Lịch sử nước (ta)
Trải qua (- -) hơn bốn ngàn (năm)
- 2 - Nguồn (gốc) dân tộc Việt (Nam)
Cùng chung giống (giòng) Lạc Long (- -)
- 3 - Ngày (xưa) sử chép Hồng (Bàng)
Gầy di (tích) nước Văn (Lang)
- 4 - Mà (nay) vẫn còn (ghi)
Đền thờ nhà (vua) Hùng Vương (- -)
- 5 - Tại đất (Bắc) Huyện Lâm (Thao)
Trên miền (- -) núi Nghĩa (Cương)
- 6 - Mừng (mười) tháng ba là (ngày)
Toàn dân (- -) trên đất Việt (Nam)
- 7 - Tưởng (nhớ) ngày Quốc (lễ)
Của bậc thủy (Tô) là đức Hùng (Vương)
- 8 - Vì (xưa) nay sách có (câu)
Ăn trái nhớ (kẻ) trồng cây (- -)
- 9 - Uống (nước) nhớ nguồn dĩ (nhiên)
Ngày nay (- -) con Lạc cháu (Hồng)
- 10 - Cũng (do) xưa tục (truyền)
Bà Âu (Cơ) và Lạc Long (Quân)
- 11 - Chia (đôi) kẻ về bề (thâm)
Còn người (- -) trở lại non (tiên)
- 12- Cũng (- -) vì đôi (bên)
Giống Tiên Rồng không (thể) sống chung (- -)
- 13 - Tuy trước (kia) tạo vật sơ (khai)
Nhưng ngàn (đời) vẫn còn (lưu)
- 14 - Tiền sử dân (tộc) Việt Nam (- -)
Tiên Rồng (- -) sanh giống Lạc (Long)
- 15 - Cũng qua bao (thời) hưng bại nô (vong)
Dân tộc Việt (Nam) vẫn oai (hùng)
- 16 - Đem trí (tài) chống giặc xâm (loàn)
Giữ gìn (- -) dãy đất quê (huơng)
- 17 - Từ ngàn (xưa) cho đến ngàn (sau)
Lịch sử mãi (còn) ghi công (- -)

9 – BÌNH BÁN VẤN Tích Đầm Nhứt Dạ

1 -	(--)	Tồn	(LIU)
Liu Tồn	(--)	Liu Xáng	(U)
2 - Xáng	(U)	Ủ Ủ Liu	(CỘNG)
Liu Liu	(--)	Ú Xáng	(LIU)
3 - Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
4 - Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
Tồn	(Ú)	Liu Xế Xáng	(LIU)
5 -	(--)	Ú Ú	(LIU)
Tồn	(--)	Liu Ú	(LIU)
6 -	(XÁNG)	Xáng Xáng	(Ú)
Liu Liu	(--)	Xề Liu	(CỘNG)
7 - Cộng	(CỘNG)	Tồn	(CỘNG)
Cổng Xê	(XANG)	Xê Liu	(CỘNG)
8 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Ú Liu	(--)	Cộng Tồn Liu	(Ú)
9 - Tồn	(Ú)	Ủ Ủ Liu	(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
10 - Tồn	(CỘNG)	Liu Cộng Liu	(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(Ú)
11 -	(--)	Ú Ú	(LIU)
Tồn	(--)	Liu Ú	(LIU)
12 - Là	(XÙ)	Xang	(CỔNG)
Cổng Xê	(XANG)	Xê Cống Lú	(XỀ)
13 -	(--)	Tồn	(LIU)
Ú Ú	(--)	Liu Cộng	(XỀ)
14 - Tồn	(CỔNG)	Lú Lú	(XỀ)
Cổng Hò	(XỀ)	Cổng Xê Xang	(XỤ)
15 - Tồn	(XANG)	Xáng Xang Xang	(XỤ)
Xê Xang	(--)	Hò Lú	(CỔNG)
16 - Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Cộng	(LIU)
Tồn Liu	(--)	Ú Xáng	(LIU)
17 -	(--)	Xừ	(XANG)
Xê Xang	(--)	Xang Xừ	(XANG)
18 - Tồn	(XỀ)	Cổng Xê Xang	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
19 - Lú	(XỤ)	Xang Xự Xang	(XỀ)
Xang Xang	(--)	Cổng Lú	(XỀ)
20 -	(--)	Tồn	(CỔNG)
Lú Lú	(--)	Cổng Xê	(XANG)

- 1 - (- -) Nước (ta)
Đời vua (- -) Hùng Vương thứ (ba)
- 2 - Trong (khi) nước non thanh (bình)
Vua cho (- -) ái nữ Tiên (Dung)
- 3 - Nhàn (- -) cùng khắp đó (đây)
Khi đến ven (sông) Chử Xá tên (làng)
- 4 - Thuộc về (- -) Huyện Văn (Giang)
Bổng tình (cờ) lại gặp lương (duyên)
- 5 - Với (một) chàng trai thanh (niên)
Đồng Tử (- -) con Sứ (Vân)
- 6 - Vì e sấm (sét) của lệnh thung (huyện)
Bên ven (sông) cùng nhau ở (lại)
- 7 - Chăm lo (- -) tảo tần buôn (bán)
Sống cảnh thôn (quê) lòng vẫn tự (toại)
- 8 - Về (sau) trên núi Quảng (Lăng)
Thuộc (- -) phủ Khoái (Châu)
- 9 - Truyền (đạo) pháp tinh (thông)
Vợ chồng bèn (theo) nhà sư Quang (Phật)
- 10 - Hùng Vương (- -) nghe được (tin)
Linh truyền (- -) tất cả sĩ (binh)
- 11 - (Đến) tận phủ Văn (Giang)
Đề trị tội (- -) kẻ tự kết (hôn)
- 12 - Cả (hai) đều không kháng (cự)
Nguyện theo (về) thọ tội cùng (cha)
- 13 - (- -) Cho khỏi mang (câu)
Lỗi đạo (- -) nợ nước ơn (nhà)
- 14 - Rồi (một) đêm kia bổng (dưng)
Cả hai (- -) nắm mộ (phần)
- 15 - (Bổng) hoá ra một (vùng)
Được gọi (tên) Đầm Nhứt (Dạ)
- 16 - Tục truyền (bà) Tiên Dung trù (liệu)
Để giữ (tròn) hai chữ hiếu (trung)
- 17 - (- -) Thời Hùng (Vương)
Hiện nay (còn) tại tỉnh Khoái (Châu)
- 18 - Một đêm (-) Đầm Nhứt Dạ tạo (thành)
Đó di (tích) của bà Tiên (Dung)
- 19 - Cũng (một) kho tàng thuần (phong)
Như sự (tích) núi Tân (Viên)
- 20 - Về sau (- -) sử tầm nhà khảo (cổ)
Cho đó (là) nguồn gốc ngàn (xưa)

21 - Tồn	(CÔNG)	Cổng Lúu	(XÊ)
Cổng Hò	(XÊ)	Cổng Xê Xang	(XỤ)
22 - Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
Tồn	(- -)	Cổng Xê	(XANG)

10 – CỔ BẢN VẤN
(34 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>Lớp I :</u>	1 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
	Cổng Lúu	(XÊ)	Xang Lúu	(XỤ)
	2 - Xang Lúu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	3 - Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Lúu	(XỤ)
<u>Lớp II :</u>	4 - Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	5 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cổng Lúu	(XÊ)	Xang Lúu	(XỤ)
	6 - Xang Lúu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	7 - Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Lúu	(XỤ)
	8 - Xang Lúu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XÊ)
	9 - Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(- -)
	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)	
Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÊ)	
11 - Liu Liu	(XÊ)	Tồn Xê Liu	(CỘNG)	
Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)	
12 - Tồn	(XANG)	Lúu	(XỤ)	
Xang Lúu	(- -)	Xự Xang	(XÊ)	
<u>Lớp III :</u>	13 - Tồn	(CÔNG)	Lúu Cổng Xê	(XANG)
	Cổng Xê	(XANG)	Cổng Xê	(- -)
	14 - Liu	(XÊ)	Tồn Xê Cộng	(LIU)
	Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(- -)
15 - Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)	
Tồn	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XỤ)	
16 - Xang Xê	(CÔNG)	Lúu Cổng Xê	(XANG)	
Xê	(- -)	Xê Xê Xang	(HÒ)	

- 21 - (Truyền) tụng lại ngày (nay)
 Núi Tản (Viên) Đầm Nhứt (Dạ)
- 22 - Đòi đòi (- -) vẫn hiển (nhiên)
 Di tích (- -) về đời Hùng (Vương)

10 – CỔ BẢN VĂN

Ngư ông

- 1 - (- -) Nhìn (trăng)
 Soi qua (- -) con nước (bạc)
- 2 - Gió đông (- -) thổi tạt nhấp (nhô)
 Sóng cuộn (- -) cuộn dòng (- -)
- 3 - Ánh trăng (lồng) khi tỏ khi (lu)
 Sương lam (- -) khoe màu (nhật)
- 4 - Rũ xuống (- -) núi đồi (- -)
 Một vài (- -) chiếc xuống (câu)
- 5 - Lướt mình (trên) lượn sóng nhấp (nhô)
 Xa xa (- -) sương che bóng (nhật)
- 6 - Hoặc ẩn (núp) dưới bóng (cây)
 Để tránh hạt (sương) đêm về (- -)
- 7 - Ngư ông (- -) ngồi thung (dung)
 Thả (câu) tai nghe gió (tạt)
- 8 - Một vài (- -) giọng sáo du (dương)
 Xa (đưa) khi bổng khi (trầm)
- 9 - Gờn gợn (điệu) âm thanh (- -)
 Phải (chăng) ngư ông xúc (động)
- 10 - Nhìn trời bao (la) cao rộng (- -)
 Đêm (sương) trăng nước hữu (tinh)
- 11 - Rung động (- -) lòng người mơ (mộng)
 Mà ông (- -) nhả sợi tơ (đồng)
- 12 - Thú (vui) trên sông (Vị)
 Năm tháng (- -) sống thản (nhiên)
- 13 - Dù (là) trải gió dầm (sương)
 Nhưng một (niềm) trắng trong (- -)
- 14 - Lòng chẳng (- -) chút bận (nhơ)
 Mượn trăng (gió) thi thơ (- -)
- 15 - Buồn lòng (- -) mượn sáo làm (vui)
 Hay nghe (- -) xa xa tiếng (vạc)
- 16 - Oang oát (- -) giữa trời (đêm)
 Tìm (- -) bạn lạc (đàn)

	17 -	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(- -)
		Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	18 -	Tồn	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XỤ)
		Xang Cống	(- -)	Líu Cống Xê	(XANG)
	19 -	Xê	(- -)	Xê Xê Xang	(HÒ)
		Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(- -)
Lớp IV :	20 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘ)
		Ú Liu	(- -)	Tồn Cộ Líu	(XÊ)
	21 -	Xang Líu	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
		Líu Xê	(- -)	Cộ Tồn	(LIU)
	22 -	Ú Liu	(XÊ)	Tồn Xê Liu	(CỘ)
		Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	23 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỤ)
		Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	24 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Líu	(XỤ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	25 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
		Líu	(XÊ)	Cộ Tồn	(LIU)
	26 -	Ú Liu	(XÊ)	Tồn Xê Liu	(CỘ)
		Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
Lớp V :	27 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỤ)
		Xê Xê	(XANG)	Tồn Xang	(- -)
	28 -	Líu	(XÊ)	Cộ Tồn	(LIU)
		Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(- -)
	29 -	Tồn	(LIU)	Cộ Tồn	(LIU)
		Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÊ)
	30 -	Líu Líu	(XÊ)	Tồn Xê Liu	(CỘ)
		Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	31 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỤ)
		Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
	32 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Líu	(XỤ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	33 -	Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
		Líu	(XÊ)	Cộ Tồn	(LIU)
	34 -	Ú Liu	(XÊ)	Tồn Xê Liu	(CỘ)
		Tồn Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

11 – XUÂN TÌNH VẤN
(24 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

- 17 - Như oán (- -) như than (- -)
Nhìn (- -) dòng sông nước (trong)
- 18 - Đàng (xa) tiếng cá (ực)
Ngồi thắt (thêu) trên xuồng (câu)
- 19 - Hưởng (- -) thú vui thanh (nhàn)
Toại lòng (già) biết bao (- -)
- 20 - Cuộc (đời) lênh đênh nước (bạc)
Buồn vui (- -) trên một chiếc (xuồng)
- 21 - Mặc dầu dãi (nắng) dầm sương (- -)
Mà lòng (- -) đượm khối tình (vương)
- 22 - Ngày lo (- -) nghỉ an giấc (mộng)
Đêm lại (- -) lo việc câu (cần)
- 23 - Ngày (qua) năm tàn tháng (lụn)
Như nước (chảy) xuôi dòng (- -)
- 24 - Niềm cạn (- -) niềm ngựa (nghiêng)
Bóng trắng (- -) tà triền (miên)
- 25 - Cứ xoay (trở) luân phiên (- -)
Lung đỗi (tròn) mà vẫn còn (nguyên)
- 26 - Vói nghề (câu) trên sông (lạnh)
Chịu (tiết) rét buổi đông (về)
- 27 - Hay gắt (gay) qua nắng (hạ)
Thu ướt át (cảnh) mưa sa (- -)
- 28 - Xuân (- -) báo hiệu xuân (qua)
Bốn mùa (vẫn) âu ca (- -)
- 29 - Lòng (- -) không thiết (tha)
Xuồng dong (- -) ấy là (nhà)
- 30 - Bạ cùng (- -) trắng tà nước (bạc)
Miễn sống (- -) với thú thanh (nhàn)
- 31 - Lắm (khi) tay bung ly (rượu)
Để sười (ấm) lòng già (- -)
- 32 - Dù là (- -) vất vả long (đong)
Nhưng thơ (thời) tấm lòng (yên)
- 33 - Không màng danh (lợi) ngựa nghiêng (- -)
Đua chen (- -) tranh đấu thiết (hơn)
- 34 - Mặc dầu (ai) giàu sang danh (vọng)
Ông cứ (thủ) phận lão ngư (chài)

11 – XUÂN TÌNH VẤN
Bốn Vị anh hùng chống Pháp miền Nam

<u>Lớp I :</u>	1 -		(- -)	Tồn	(CỔNG)	
		Công Công		(- -)	Xự Xê	(XANG)
	2 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)	
		Xê Xang		(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	3 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(XỰ)	
		Là Là		(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	4 -	Tồn	(XANG)	Xê Líu	(CỔNG)	
	Líu Công		(- -)	Xự Xê	(XANG)	
5 -	Xê	(XANG)	Xê Xang	(HÒ)		
	Xê Xang		(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)	
6 -	Tồn	(XANG)	Líu	(XỰ)		
	Xê Xang		(TỒN)	Xang	(- -)	
7 -	Líu Líu		(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)	
	Líu Líu		(PHẠN)	Tồn Líu	(- -)	
<u>Lớp II :</u>	8 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Líu	(CỘNG)	
		Công Xê		(XANG)	Xê Líu	(CỔNG)
	9 -	Tồn		(Ú)	Xáng Ú Líu	(CỘNG)
		Hò Là		(XỰ)	Xang Công Líu	(XÊ)
	10 -			(- -)	Tồn	(XÊ)
		Công Líu		(XÊ)	Xang Líu	(XỰ)
	11 -	Líu		(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
		Công Xê		(XANG)	Công Xê	(- -)
	12 -	Líu		(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
		Cộng Cộng		(TỒN)	Líu	(- -)
	13 -	Là		(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Xảng Xang		(TỒN)	Xang	(- -)
	14 -	Líu		(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
		Công Líu		(- -)	Xê Xang	(XỰ)
	15 -	Líu Líu		(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
	Xê Xáng		(PHẠN)	Xáng Líu	(- -)	
<u>Lớp III :</u>	16 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Líu	(XÀNG)	
		Líu Líu		(XÀNG)	Líu Xáng	(CỘNG)
	17 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Líu	(CỘNG)	
		Tồn Líu		(- -)	Công Xê	(XANG)
	18 -	Líu		(XỰ)	Tồn	(XỰ)
		Xê Xang		(TỒN)	Xang	(- -)
19 -	Líu		(HÒ)	Hò Hò	(CỔNG)	
	Hò		(- -)	Công Xê	(XANG)	
20 -	Tồn	(CỔNG)	Líu Công Xê	(XANG)		
	Cộng Cộng		(TỒN)	Líu	(- -)	

- 1 - Vì bởi (Pháp) cố tình xâm (lãng)
Mới đem binh (- -) đổ bộ cửa Cần (Giờ)
- 2 - Và bắt (buộc) ký kết giao (hòa)
Là triều (đình) phải nhường miền (Nam)
- 3 - Lòng hận (- -) bấy xâm (lược)
Nào (- -) nỡ nào ngòi (an)
- 4 - Giữa (con) nhà tan nước (mắt)
Thân làm tướng (- -) nguyện phoi (gan)
- 5 - Vì nhục (quốc) bao xá thân (tàn)
Những vị anh (hùng) phải vong (thân)
- 6 - Miền (Nam) hận thù tràn (ngập)
Các tỉnh (đồng) nổi lên (- -)
- 7 - Đánh phá các (vùng) nơi miền Hậu (Giang)
Ngăn đường tấn (thối) đối phương (- -)
- 8 - Gò (công) có Trương Công (Định)
Nêu cao quốc (kỳ) Cần Vương (đảng)
- 9 - Bao (phen) tấn công quân (địch)
Đâu ngại (vì) sanh tử tồn (vong)
- 10 - (Pháp) khiếp đảm oai (danh)
Nghe đến (- -) quân binh nẽ (mặt)
- 11 - Cũng (vì) kẻ phản (tâm)
Ông đành (phải) sa cơ (- -)
- 12 - Vào (chón) địch phục (binh)
Nên cam (đành) mạng vong (- -)
- 13 - Thay ông (là) Võ Duy (Dương)
Đem hết (cả) tướng binh (- -)
- 14 - Về (Đồng) Tháp Mười ần (thân)
Là chón (- -) bùn lầy nước (đọng)
- 15 - Hầu có tiện (bè) đối thủ địch (quân)
Du kích chiến (vớ) Pháp quân (- -)
- 16 - Về sau (ông) thọ bệnh bỏ (mình)
Rã tan (- -) thế cùng lực (tận)
- 17 - Tân (An) ông Nguyễn Trung (Trực)
Quả trung (- -) hiếu lương (toàn)
- 18 - Nhứt (Tảo) rền danh vang (dậy)
Ngọn lửa thiêu (rụi) tàu tây (- -)
- 19 - Tam (Bình) ghi dấu (cũ)
Kìa Chợ (Gạo) mãi lưu (danh)
- 20 - Một (bực) oai dũng hùng (anh)
Mãi còn tạc (đề) lưu danh (- -)

Lớp IV :	21 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÀNG)
	Liu Liu	(XÀNG)	Liu Xàng	(CỘNG)
22 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
23 -	Lú	(XỤ)	Tồn	(XỤ)
	Xê Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
24 -	Liu Liu	(XỀ)	Tồn Xề Phạn	(LIU)
	Xế Xáng	(PHẠN)	Xáng Liu	(- -)

12 – TÂY THI VẤN
(26 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	(- -)	Tồn	(LIU)
	Ú Liu	(- -)	Xê Cộng	(LIU)
	2 -	(XÁNG)	Xề Xáng Tồn	(LIU)
	Xáng Tồn	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	3 -	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Lú	(XỀ)
	4 -	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cộng Ú	(LIU)
	5 -	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Lớp II :	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	6 -	(CỔNG)	Ú Liu	(XỀ)
	Xang Lú	(XỤ)	Hò Xự	(- -)
	7 -	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	8 -	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	9 -	(XANG)	Cổng Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
10 -	(- -)	Tồn	(Ú)	
Xế Xáng	(- -)	Ú Liu	(Ú)	
11 -	(XÁNG)	Xề Xáng Tồn	(LIU)	
Xáng Tồn	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)	
12 -	(CỘNG)	Tồn Cổng Xê	(XANG)	
Xê Xang	(- -)	Xê Lú	(CỔNG)	
13 -	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)	
Tồn Liu	(- -)	Cộng Ú	(LIU)	
14 -	(XỤ)	Lú Cổng	(- -)	
Ú Liu	(- -)	Cộng Tồn	(LIU)	

- 21 - Cụ Thủ Khoa (Huân) trí đảm ngang (tàng)
Lòng không (màng) câu danh (lợi)
- 22 - Đầu đài (- -) cam lãnh (án)
Thà (- -) chịu tử (hình)
- 23 - Bát cú (thi) còn ghi (lại)
Tròn đạo (nghĩa) trung cang (- -)
- 24 - Vẻ (vang) bốn vị anh (hùng)
Chống pháp ở miền (Nam) Việt Nam (- -)

12 – TÂY THI VẤN
Trọng Thủy, My Châu

Lớp I :

- 1 - (- -) Xưa (kia)
Vua An Dương (Vương) nhờ nỏ thần Kim (Qui)
- 2 - Đánh (đuổi) được giặc xâm (lãng)
Giữ an (- -) quê hương nước (Việt)
- 3 - Ngài (mới) xây thành Cổ (Loa)
Đề bảo (thủ) lấy quốc (gia)
- 4 - Vì quân thù tham (vọng) can qua (- -)
Lòng mong (chiếm) dấy đất Việt (Nam)
- 5 - Ngờ (đâu) Triệu Đà mưu (mẹo)
Mới đưa (- -) Trọng Thủy con (người)
- 6 - Cùng ái (nữ) vua An Dương (Vương)
Đề gây tình thông (gia) liên hệ (- -)
- 7 - Nhưng kỳ thật cấp (nỏ) Kim Qui (- -)
Vì bao (phen) bị chiếc nỏ (thần)
- 8 - Làm (cho) muôn binh thảm (hại)
Nên chúng (- -) vỡ mộng xâm (loàn)
- 9 - Non nước (Việt) được bảo (toàn)
Chỉ nhờ nỏ (thần) anh linh (- -)

Lớp II :

- 10 - (- -) My (Châu)
Đâu rõ (- -) lòng dạ hiểm (sâu)
- 11 - Tin (tưởng) là đạo tào (khang)
Nên mới (- -) làm mưu chàng (Trọng)
- 12 - Tráo (đổi) chiếc nỏ (thần)
Lập (- -) chiếu văn giả (mạo)
- 13 - Rằng phụ (vương) người trọng (bịnh)
Có chiếu triệu (- -) Trọng hồi (bang)
- 14 - Nào ngờ là (kế) Triệu mỗ (- -)
An Dương (Vương) vẫn thần (nhiên)

15 - Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng Tồn	(LIU)
Xáng Tồn	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
16 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(Ú)
Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Lú	(XÊ)
17 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
Tồn Liu	(- -)	Cộng Ú	(LIU)
18 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
19 - Tồn	(CỘNG)	Ú Lú	(XÊ)
Xang Lú	(XỤ)	Hò Xự	(- -)
20 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
21 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
22 - Tồn	(XANG)	Cổng Xê Xang	(HÒ)
Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
Lớp III : 23 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
24 - Tồn	(CỘNG)	Lú Cổng Xê	(XANG)
Xê Xang	(- -)	Xê Lú	(CỘNG)
25 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
26 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÊ)
Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Tồn	(LIU)

13 – LƯU THỦY TRƯỜNG

(32 câu, nhịp tư, song-lang 3-4)

Lớp I : 1 -	(- -)	La	(HO)
La Tồn	(- -)	La Tồn La	(HO)
2 - Lú Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(- -)
Xự Xang	(XÊ)	Tồn Cổng Xê	(XANG)
3 -	(- -)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(-)	Xê Xê Xang	(HÒ)
4 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
5 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
Cổng Lú	(- -)	Xê Xang	(XỤ)
6 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

- 15 - Cùng (lúc) từ giả My (Châu)
 Áo lông ngỗng (- -) đôi lời căn (dặn)
- 16 - Nếu xảy (ra) việc đao (binh)
 Thì do (theo) lông áo mà (tìm)
- 17 - Khỏi sai lạc vợ (hiền) My Châu (- -)
 Dầu phải (- -) xa cách nơi (đâu)
- 18 - Quả nhiên Triệu (Đà) đem binh đồ (bộ)
 Và tấn (công) khắp Cổ Loa (thành)
- 19 - An Dương (Vương) truyền lệnh ba (quân)
 Khiên nỏ thần (ra) phá giặc (- -)
- 20 - Nhưng đâu (còn) linh thiêng (- -)
 Mà quân nghịch (- -) vẫn cuộn (tràn)
- 21 - Cổ (Loa) đành cam thất (bại)
 An Dương (Vương) và ái nữ bôn (đào)
- 22 - Nhưng hỡi (ôi) tiếng thét (gào)
 Giặc truy tâm (mãi) theo sau (- -)
- Lớp III :** 23 - (- -) Sông (ngăn)
 Chận nẻo tấn (thối) lưỡng nan (- -)
- 24 - Kim (Qui) thần nỏ hiện (hình)
 Vua xin (ngài) cứu mình khi mạt (lộ)
- 25 - Kim (Qui) tâu đâu là (giặc)
 Kia kìa (- -) giặc ở sau lưng (ngài)
- 26 - Nhìn My (Châu) lệ chảy ai (hoài)
 Tung gươm (ngài) tự sát cả (hai)

13 – LƯU THỦY TRƯỜNG

Bá Nha, Tử Kỳ

Soạn lời : Cao Hoài Sang.1955

- Lớp I :**
- 1 - (- -) Trăng (thu)
 Nồng (- -) tiếng nhận trong (sương)
- 2 - Non xanh nước (biếc) một bầu (- -)
 Gọi niềm (riêng) chạnh nhớ đến cố (huong)
- 3 - (- -) (Ngơ)
 Ngẩn ngơ (- -) chôn lâm (tuyền)
- 4 - Chơi vui hiu (quạnh) một con thuyền (- -)
 Cảnh vật (nhìn) khiến lòng băng (khuâng)
- 5 - Xôn (xao) trên dòng Hán (Dương)
 Bến cô thôn (- -) trăng soi nước (bạc)
- 6 - Rừng thông gió (reo) bao điệu nhạc (- -)
 Chén vui (đầy) biết bày cùng (ai)

	7 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cống Lú	(--)	Xê Xang	(XỤ)
	8 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
	Xế Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
<u>Lớp II :</u>	9 -	(--)	Tồn	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Cống Lú	(XÊ)	Xang Xê Lú	(XỤ)
	11 -	(--)	Lú	(XỤ)
	Xang Lú	(--)	Xự Xang	(XÊ)
	12 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Ú Liu	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)
	13 - Tồn	(LIU)	Cộng Liu	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	14 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	15 -	(--)	Tồn	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(U)
	16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
	Xế Xáng	(--)	Ú Xáng	(LIU)
<u>Lớp III :</u>	17 - Tồn	(LIU)	Cộng Liu	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	19 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xê	(--)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	20 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Ú Liu	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)
	21 - Tồn	(LIU)	Cộng Liu	(U)
	Xế	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	22 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	23 -	(--)	Liu	(XÊ)
	Cộng	(--)	Ú Xáng	(LIU)
	24 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
<u>Lớp IV :</u>	25 -	(--)	Tồn	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	26 - Tồn Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng	(--)
	Tồn Liu	(--)	Cộng Xê	(XANG)

- 7 - Ngược (dòng) đố bến tối hôm (nay)
 Ngắm giang (sơn) lòng thơ xúc (động)
- 8 - Đai cân xét (ra) như giắc mộng (- -)
 Có bao (lâu) ba vạn sáu ngàn (ngày)
- Lớp II :** 9 - (- -) Cầm (trăng)
 So (-) tơ vôi (vàng)
- 10 - Niềm riêng (giữa) đêm trăng (- -)
 Tiếng nỉ (non) cho voi phiến (muộn)
- 11 - (- -) Bồng (trâm)
 Ai oán (- -) giọng cầm (xang)
- 12 - Nhà tài tử đại (tài) của Tấn Bang (- -)
 Chính là (Thượng) Đại Phu Bá (Nha)
- 13 - (- -) Đêm (thu)
 Đường tơ (- -) như nảo (nùng)
- 14 - Mượn năm (cung) thừa nhật (- -)
 Tâm sự (bày) của người lữ (thứ)
- 15 - (- -) (U)
 Sầu cảnh vật (- -) nhuộm thê (luơng)
- 16 - Mảnh trăng (lờ) treo gương (- -)
 Chưa dứt bản (đòn) sao vôi đứt (dây)
- Lớp III :** 17 - (- -) Tiếng (ngân)
 Đưa (- -) âm thanh đã (bặt)
- 18 - Ôm đàn (- -) còn nghi hoặc (- -)
 Lòng ngơ (ngẩn) khó rõ mối (manh)
- 19 - (- -) (Hay)
 Là ta (- -) đến vận chẳng (may)
- 20 - Nên đạo (tặc) ần quanh đây (- -)
 Chờ dịp (- -) sẽ ra (tay)
- 21 - Hay là gân (đây) có bực hiền (nhân)
 Trộm lóng (- -) nghe điệu (đàn)
- 22 - Kêu quân (ngài) lệnh dạy (- -)
 Tim (cho) tận nỗi căn (do)
- 23 - (- -) Thừa (ngài)
 Tôi vốn (- -) thật tiều (phu)
- 24 - Nào phải đạo (tặc) chi đâu (- -)
 Về ngang (đây) tai lóng nghe tiếng (đòn)
- Lớp IV :** 25 - (- -) Dừng (chơn)
 Ẩn bóng (- -) sau cội (tùng)
- 26 - Trộm nghe (cho) phỉ dạ (- -)
 Xin tha (thứ) cho phận (hèn)

27 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
28 - Tồn Xang	(XÊ)	Xang Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
29 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
Công Lúu	(--)	Xê Xang Lúu	(XỰ)
30 - Tồn Xê	(--)	Xang Xự	(--)
Xê Xang	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
31 - Tồn	(XÊ)	Xang Xê Lúu	(CÔNG)
Xàng Liu	(--)	Công Xê	(XANG)
32 - Tồn Liu	(LIU)	Liu Xê	(--)
Ú Liu	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)

14 – PHÚ LỤC CHẤN
(34 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>Lớp I :</u>	1 -	(--)	Tồn	(U)
	Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	2 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	3 -	(--)	Tồn	(U)
	Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(U)
	4 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
	Xê Xáng	(U)	Liu Ú Xáng	(LIU)
5 - Tồn	(LIU)	Liu Tồn Liu	(CỘNG)	
Ú Liu	(--)	Tồn Cộng Lúu	(XÊ)	
6 - Xang Lúu	(XỰ)	Xang Xê	(--)	
Cộng Liu	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)	
7 -	(--)	Tồn	(CỘNG)	
Liu Liu	(--)	Cộng Liu	(U)	
8 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)	
Xê Xáng	(U)	Xáng Liu	(--)	
<u>Lớp II :</u>	9 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(--)	Ú Xáng	(LIU)
	10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
11 -	(--)	Xê	(XANG)	
Xang	(--)	Xê Lúu	(XỰ)	
12 - Xang Lúu	(XỰ)	Xang Xê	(--)	
Tồn Liu	(--)	Cộng Xê	(XANG)	

- 27 - (- -) Dưới (trăng)
Thấp (- -) thoáng bóng (người)
- 28 - Bá Nha nhìn (xem) mới thốt lời (- -)
Tiếng Diêu (Cầm) sao người cũng biết (nghe)
- 29 - Cười (vang) gã tiều mới thừa (qua)
Nếu đại nhân (- -) chấp nê thế (sự)
- 30 - Từ Xưa đấng tài (ba) trong thiên hạ (- -)
Há không (người) áo vải xuất (thân)
- 31 - Bá (Nha) nghe qua liền gạn (hỏi)
Nếu người (biết) thường thức điệu (cầm)
- 32 - Khá tua (- -) phân cạn (- -)
Bản đờn (gì) người mới vừa (nghe)

14 – PHÚ LỤC CHẤN Bá Nha, Tử Kỳ (tiếp theo)

Lớp I :

- 1 - (- -) (Xin)
Thưa ngài (- -) cho tôi phân (tường)
- 2 - Bài đờn (- -) vừa phát dạo (- -)
Ấy là bài Đức (Thánh) than tiếc thầy (Nhan)
- 3 - (- -) Khả (tích)
Nhan Hôi (- -) mạng tảo (vương)
- 4 - Tư tưởng (mặn) như sương (- -)
Lưu đặc danh (hiền) vạn cổ (cương)
- 5 - (- -) Thanh (bạch)
Ngàn thuở (- -) để danh (thơm)
- 6 - Bầu nước (- -) với giỏ cơm (- -)
Thương (thay) mái tóc bạc như (vôi)
- 7 - (- -) Hiêm (vi)
Ngài đờn (- -) chưa hết (bản)
- 8 - Tư đàn (- -) vôi đứt ngang (- -)
Lỡ dở (câu) tiếc than (- -)

Lớp II :

- 9 - (- -) Lời (thốt)
Vừa (- -) mới nghe (qua)
- 10 - Khiến lòng (dạ) Bá Nha (- -)
Dường ư (- -) mến gã tiều (sinh)
- 11 - (- -) Rất (may)
Trong (- -) chốn lâm (tuyền)
- 12 - Mà gặp (khách) tài ba (- -)
Ấy mới (- -) đáng tri (âm)

	13 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cổng Lú	(--)	Xê Xang Lú	(XỤ)
	14 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Cổng	(--)
	Lú Hò	(XỤ)	Xang Cổng Lú	(XÊ)
	15 - Tồn	(XÊ)	Xang Xê Lú	(CỔNG)
	Tồn Liu	(--)	Cộng Xê	(XANG)
	16 - Xang Xê	(CỔNG)	Xê Xang	(--)
	Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(--)
<u>Lớp III :</u>	17 -	(--)	Tồn	(CỔNG)
	Liu Liu	(--)	Ú Xáng	(LIU)
	18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Ú Xáng	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
	19 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang	(--)	Xê Lú	(XỤ)
	20 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(--)
	Tồn Liu	(--)	Cộng Xê	(XANG)
	21 - Tồn	(XANG)	Xang Tồn	(XÊ)
	Cổng Lú	(--)	Xê Xang Lú	(XỤ)
	22 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Cổng	(--)
	Lú Hò	(XỤ)	Xang Cổng Lú	(XÊ)
	23 - Tồn	(XÊ)	Xang Xê Lú	(CỔNG)
	Tồn Liu	(--)	Cộng Xê	(XANG)
	24 - Xang Xê	(CỔNG)	Xê Xang	(--)
	Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(--)
<u>Lớp IV :</u>	25 -	(--)	Tồn	(HÒ)
	Xê Xang	(--)	Hò Xang	(XỤ)
	26 - Xang Hò	(--)	Xang Xự	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	27 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(--)	Xê Xang	(XÊ)
	28 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Xang Xê	(--)	Xang Cổng Xê	(XANG)
	29 - Tồn	(XANG)	Xê Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	30 - Xang Cổng	(--)	Xê Xang	(--)
	Xang Xê	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(HÒ)
	31 -	(--)	Tồn	(CỔNG)
	Ú Liu	(--)	Tồn Cộng Lú	(XÊ)
	32 - Xang Lú	(XỤ)	Xang Xê	(--)
	Cộng Liu	(XÊ)	Cộng Tồn	(LIU)

- 13 - (- -) (Xin)
 Vì tôi (- -) chớ nên e (ngại)
- 14 - Xuống thuyền (- -) cho gặp gỡ (- -)
 Hầu ghi (nhớ) buổi hôm (nay)
- 15 - (- -) Người niên (thiếu)
 Há dám (- -) đâu hững (hờ)
- 16 - Giữa đêm sương (lạnh) trăng mờ (- -)
 Chủ khách (mới) gặp nhau (- -)
- Lớp III :** 17 - (- -) Lòng (muốn)
 Thử tài (- -) gã tiều (phu)
- 18 - Bá Nha nổi (lại) đường tơ (- -)
 Nhìn tiều (sinh) bảo qua mấy (lời)
- 19 - (- -) Muốn (cho)
 Đây đó (- -) đặng hiểu (lòng)
- 20 - Cùng nhau (khỏi) ngại nghi (- -)
 Tôi xin đờn (- -) tặng một (bài)
- 21 - (- -) Tiều (sanh)
 Cúi (- -) xin vâng (dạy)
- 22 - Tôi sẵn (lòng) hầu thính (- -)
 Dầu sơ (sốt) xin lượng thứ (tha)
- 23 - Thượng Đại (Phu) ôm đờn liền (khảy)
 Mấy khúc (- -) nhạc bổng (trầm)
- 24 - Tiều phu vang (tiếng) khen rằng (- -)
 Mỹ tai! đại nhân (chí) tại cao sơn (- -)
- Lớp IV :** 25 - (- -) Nhóng (dây)
 Đồi (- -) ngón tơ (đàn)
- 26 - Như huyền (ảo) mơ màng (- -)
 Càng tỏ (rõ) tánh phong (lưu)
- 27 - (- -) Hay (hay)
 Khen thay (- -) chí đại (nhân)
- 28 - Tại lưu (thủy) trường giang (- -)
 Mênh mang (- -) thích cảnh nước (trời)
- 29 - (- -) Vội (vàng)
 Đứng dậy (- -) bắt lấy (tay)
- 30 - Nhờ thử (dạ) hôm nay (- -)
 Lão rất (may) gặp bạn anh (tài)
- 31 - (- -) (Cùng)
 Nhau cạn (chén) tỏ tánh (danh)
- 32 - Chung Tử Kỳ (thật) tiều sanh (- -)
 Chuyện trò (- -) vui vẻ trót (canh)

33 -	(- -)	Tồn	(CỘNG)
		Liu Liu	(-)
		Cộng Liu	(U)
34 -	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)
		Xế Xáng	(U)
		Xáng Liu	(- -)

15 – BÌNH BÁN CHÁN
(44 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>Lớp I :</u>	1 -	(- -)	Xê	(XANG)
			Xang Xê	(- -)
			Xê Xang	(HÒ)
	2 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
			Xế Xáng	(- -)
			Cộng Liu	(Ú)
	3 -	(- -)	Tồn	(Ú)
			Xế Xáng	(- -)
			Ú Liu	(CỘNG)
	4 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Ú Liu	(CỘNG)	
		Xáng Liu	(- -)	
5 -	(- -)	Tồn	(LIU)	
		Xế Xáng	(- -)	
		Cộng Liu	(Ú)	
6 -	(TỊCH)	Tồn Ú	(- -)	
		Xế Xáng	(Ú)	
		Ủ Ủ Liu	(CỘNG)	
7 -	(- -)	Liu	(XÁNG)	
		Xê Xê	(XÁNG)	
		Xàng Xề Liu	(CỘNG)	
8 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)	
		Ú Liu	(CỘNG)	
		Xáng Liu	(- -)	
9 -	(- -)	Xê	(XANG)	
		Xang	(- -)	
		Xê Xang	(HÒ)	
10 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)	
		Ú Liu	(CỘNG)	
		Tồn Liu	(- -)	
<u>Lớp II :</u>	11 -	(- -)	Xê	(XANG)
			Xang	(- -)
			Xê Xang	(HÒ)
	12 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
			Xế Xáng	(Ú)
			Ủ Ủ Liu	(CỘNG)
	13 -	(- -)	Tồn	(Ú)
			Xế Xáng	(- -)
			Ú Liu	(CỘNG)
	14 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
		Xế Xáng	(Ú)	
		Ủ Ủ Liu	(CỘNG)	
15 -	(- -)	Tồn	(Ú)	
		Xế Xáng	(- -)	
		Ú Liu	(CỘNG)	
16 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)	
		Ú Liu	(CỘNG)	
		Liu Xáng	(Ú)	

- 33 - Tiếc (gì) gặp nhau quá (muộn)
 Gẫm trong (đời) mấy mặt tri (âm)
- 34 - Để kết (bạn) đồng tâm (- -)
 Vui thường cảnh gió (mát) trăng thanh (- -)

15 – BÌNH BÁN CHẤN
Nguyệt Nga họa tượng Vân Tiên

Soạn lời : Cao Hoài Sang.1955

Lớp I :

- 1 - (- -) Tai (nghe)
 Trống (- -) điểm bên (lầu)
- 2 - Còn vợ (vân) một mối sầu (- -)
 Nặng một (- -) bầu tâm (sự)
- 3 - (- -) (Ngao)
 Ngán thay (- -) phận má (hồng)
- 4 - Nào ai (thâu) nổi lòng (- -)
 Mối tơ (rồi) khéo vắn vương (- -)
- 5 - (- -) Lê (đình)
 Lặng lẽ (- -) nhìn gương (Nga)
- 6 - Chạnh nhớ (khách) đường xa (- -)
 Cách núi (sông) bao nhiêu (dặm)
- 7 - (- -) Ai (làm)
 Cho hiệp (- -) rồi lại (tan)
- 8 - Chữ ân (bày) nên nợ (- -)
 Đau xót (mảnh) dung nhan (- -)
- 9 - (- -) Trao (thì)
 Nhớ (- -) lúc giữa (đàng)
- 10 - Chàng thẹn với (cây) trâm vàng (- -)
 Riêng nặng (khối) tình mang (- -)

Lớp II :

- 11 - (- -) Nghĩ (thôi)
 Luống (- -) tủi cho (mình)
- 12 - Tai họa (đâu) thành linh (- -)
 Chén chung (tình) bao thưở (cạn)
- 13 - (- -) Ví (không)
 Gặp sẵn (- -) tay anh (hùng)
- 14 - Cứu khỏi (chôn) nguy cùng (- -)
 Mảnh (thân) đành cam vùi (dập)
- 15 - (- -) Trông (vời)
 Muôn dâu (- -) lẫn một (màu)
- 16 - Có biết ngày (nào) nghe đặng (- -)
 Khúc tơ (đàn) Lưu Thủy Cao (Sơn)

	17 -	(--)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(Ú)
	18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
	Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ủ Liu	(CỘNG)
	19 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
	Ú Liu	(--)	Cộng Liu	(Ú)
	20 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
	Xế Xáng	(CỘNG)	Liu Ú	(--)
	21 -	(--)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(--)	Ú Xáng	(LIU)
	22 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(--)
<u>Lớp III :</u>	23 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	24 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	25 -	(--)	Liu	(XÊ)
	Cộng Xáng	(--)	Tồn Ú Xáng	(LIU)
	26 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Xáng Ú	(LIU)	Tồn Cộng Liu	(XÊ)
	27 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xê	(--)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	28 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Cống Lú	(XÊ)	Xang Xê Lú	(XỤ)
	29 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(--)	Xê Xang Xê Lú	(XỤ)
	30 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
	Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ủ Liu	(CỘNG)
	31 -	(--)	Liu	(XÀNG)
	Xàng	(--)	Xàng Xề Liu	(CỘNG)
	32 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
<u>Lớp IV :</u>	33 -	(--)	Là	(HÒ)
	Hò Là	(--)	Hò Xự	(XANG)
	34 - Tồn Xê	(--)	Lú Xự	(--)
	Xang Lú	(--)	Cống Xê	(XANG)
	35 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
	36 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

- 17 - (- -) Ông (tơ)
 Ghét (- -) bỏ chi (nhau)
- 18 - Khiến tình (cảnh) đón đầu (- -)
 Biết cùng (ai) trao lời hơn (thiệt)
- 19 - (- -) Cô (phòng)
 Thao thức (- -) trót canh (thâu)
- 20 - Như Chúc (Nữ) đợi chàng Ngưu (- -)
 Nhìn tim (lụn) đầu hao (- -)
- 21 - (- -) Biết (đâu)
 Thế (- -) cuộc đời (dời)
- 22 - Dầu bề (- -) cơ trời (- -)
 Giọt thấm (- -) dầm chan (- -)

Lớp III :

- 23 - (- -) Tơ (duyên)
 Phú (- -) có cao (dày)
- 24 - Dầu non (mòn) biên cạn (- -)
 Dải đồng (- -) vẹn cho đến (xương)
- 25 - (- -) Vọng (bàn)
 Nguyên (- -) với thân (linh)
- 26 - Chứng cho (lòng) sắt đỉnh (- -)
 Đốt nén (hương) dâng lên tất (thành)
- 27 - (- -) Âm (thâm)
 Nhớ dạng (- -) khách lương (nhân)
- 28 - Mượn nét (bút) thanh tân (- -)
 Điểm dung (nghị) nên bức (tượng)
- 29 - (- -) Chàng (ôi)
 Có (- -) thâu cho (chăng)
- 30 - Thiếp thế (- -) với lòng (- -)
 Thủy chung (- -) tròn nghĩa (bạn)
- 31 - (- -) Tượng (nây)
 Hỡi (- -) chàng Vân (Lang)
- 32 - Thiếp giữ (cho) đến cùng (- -)
 Sống thác (cũng) có nhau (- -)

Lớp IV :

- 33 - (- -) Ngàn (trùng)
 Cánh hồng (- -) ở phương (nao)
- 34 - Đẽ chơi (vôi) chiếc nhận (- -)
 Mòn mối (- -) nổi nhớ (thương)
- 35 - (- -) Trăm (năm)
 Ai (- -) có hững (hờ)
- 36 - Thiếp quyết (trọn) một thờ (- -)
 Đẽ đèn (hồi) hoạn nạn có (nhau)

37 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Xang	(XÊ)
38 -	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Hò Xê Xang	(XỤ)	Xang Xê	(--)
39 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(XÁNG)
40 -	(--)	Liu Xàng	(--)
Tồn Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
41 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Xang	(XÊ)
42 -	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỤ)
43 -	(--)	Là	(HÒ)
Hò Là	(--)	Hò Xự	(XANG)
44 -	(--)	Líu Xự	(--)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)

16 – CỔ BẢN TRƯỜNG
(68 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :

1 -	(--)	Hò	(XÊ)
Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỤ)
2 -	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
3 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xự Xự	(--)	Xự Xang	(HÒ)
4 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
5 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xự Xự	(--)	Xự Xang	(HÒ)
6 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

Lớp II :

7 -	(--)	Hò	(XÊ)
Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỤ)
8 -	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
9 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xự Xự	(--)	Xự Xang	(HÒ)
10 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

- 37 - (- -) Sau (dầu)
Đến (- -) cuộc tang (thương)
- 38 - Rã cánh (đóa) hoa xuân (- -)
Vàng đá (liệu) với thân (- -)
- 39 - (- -) Tàn (canh)
Lai láng (- -) khôi cảm (hoài)
- 40 - Giờ khắc (- -) càng dài (- -)
Nhật thúc (- -) tiếng đỗ (quyên)
- 41 - (- -) Khêu (đèn)
Đề ngắm (- -) bức tượng (nhân)
- 42 - Càng xúc (động) bằng khuâng (- -)
Nét tư (luong) chín ruột tơ (vò)
- 43 - (- -) Ngàn (lời)
Than thở (- -) với gió (sương)
- 44 - Xin đem (tắm) can trường (- -)
Cho thâu (- -) tận cổ (nhân)

16 – CỔ BẢN TRƯỜNG

Tình nghĩa vợ chồng

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

Lớp I :

- 1 - (- -) Từ (xưa)
Môi tơ duyên (- -) tình chồng nghĩa (vợ)
- 2 - Nguyệt lão (se) duyên nợ (- -)
Keo sơn gắn (bó) ràng buộc trăm (năm)
- 3 - (- -) Khi cách (biệt)
Mới quý trọng (- -) câu chung thủy một (lòng)
- 4 - Quyết tâm gìn giữ (mối) tơ hồng (- -)
Khỏi thẹn (lòng) không phụ nghĩa tao (khang)
- 5 - (- -) Nay kể (lại)
Từ Đức Ngôn chàng (- -) kết duyên với một (nàng)
- 6 - Công chúa Nhạc Xương lá (ngọc) cành vàng (- -)
Quyết trọn (đời) gắn bó cùng (nhau)

Lớp II :

- 7 - (- -) Nào hay (đâu)
Quê hương (- -) đang hồi ly (loạn)
- 8 - Dân chúng tim (phương) lánh nạn (- -)
Chàng bàn phương (kế) khi phải xa (nhau)
- 9 - (- -) Mai (một)
Nếu chồng vợ (- -) ta phải xa cách đôi (đàng)
- 10 - Thì cứ như tài (sắc) của nàng (- -)
Tất phải sa (vào) chốn cao (sang)

	11 - Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XÊ)
	Ú Xáng	(XÊ)	Ú Phạn Liu	(LIU)
	12 - Xang Xê	(--)	Liu Xê	(--)
	Ú Xáng	(XÊ)	Phạn Liu	(--)
<u>Lớp III :</u>	13 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	14 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	15 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	17 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(--)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Xê Xang	(XÊ)	Xang Cống Xê	(XANG)
	19 -	(--)	Lú	(XỤ)
	Xang Lú	(--)	Xự Xang	(XÊ)
	20 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cống Lú	(XÊ)
	21 -	(--)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(--)	Cống Lú	(XÊ)
	22 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Xê	(--)
	23 -	(--)	Tồn	(CỐNG)
	Ú Liu	(--)	Cống Xê	(XANG)
	24 - Xang Cống	(--)	Lú Xê	(--)
	Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(--)
<u>Lớp IV :</u>	25 -	(--)	Là	(HÒ)
	Hò Là	(--)	Hò Xự	(XANG)
	26 - Xang Xê	(--)	Lú Xự	(--)
	Xang Lú	(--)	Cống Xê	(XANG)
	27 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Lú	(--)	Cống Xê	(XANG)
	28 - Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(--)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(--)
	29 -	(--)	Tồn	(Ú)
	Xê Xáng	(--)	Ú Liu	(Ú)
	30 - Ú Ú	(--)	Liu Phạn	(--)
	Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(--)

- 11 - (- -) Ôi cửa (quyền)
 Khi khép lại (- -) ngàn trùng xa (xăm)
- 12 - Vòi vọi tường (cao) biết đâu tầm (- -)
 Cạn dòng lá thắm dứt (đường) chim xanh (- -)
- Lớp III :** 13 - (- -) May (ra)
 Trời cao ban (ơn) cho gặp (lại)
- 14 - Duyên tình còn (sau) cơn tàn hại (-)
 Có vật gì làm (tin) khi đổi (diện)
- 15 - (- -) Chàng (đem)
 Tấm gương soi (- -) đập vỡ làm hai (đoạn)
- 16 - Nửa mang theo nửa (trao) cho bạn (- -)
 Trong buổi phân (ly) ước hẹn nhau (rằng)
- 17 - (- -) Năm (sau)
 Đứng rằm tháng (giêng) rao bán gương chợ Kinh (Đô)
- 18 - Chắp gương nầy (để) nhận ra nhau (- -)
 Tình xưa nổi (lại) ta vui cảnh tương (phùng)
- 19 - (- -) Quả (thật)
 Khi nước Trần bị diệt (- -) thì công chúa Nhạc (Xương)
- 20 - Bị làm nàng (hầu) nhà họ Dương (- -)
 Được công tử Dương (Tố) đặc biệt yêu (thương)
- 21 - (- -) Ngày (tháng)
 Thắm thoát đã (đến) kỳ hẹn năm (xưa)
- 22 - Chàng đem gương vỡ (ngôi) mãi chợ trưa (- -)
 Người xưa đâu thấy (chợ) đã vắng thừa (- -)
- 23 - (- -) Bỗng (thấy)
 Một người hầu gái (- -) đem bán nửa mảnh (gương)
- 24 - Chàng đem gương (so) quả thật vừa (- -)
 Ngậm ngùi đề (bài) Phá Kính Thi (- -)
- Lớp IV :** 25 - (- -) Nội dung (rằng)
 Gương với người (- -) đều đã ra (đi)
- 26 - Giữ hẹn xưa (- -) gương trở lại (- -)
 Nay sao vắng bóng (- -) của người (xưa)
- 27 - (- -) Giờ (đây)
 Không thể làm nguyên vẹn (- -) bóng dáng Hằng (Nga)
- 28 - Nhìn gương xưa đây (vẻ) u buồn (- -)
 Chỉ còn lưu lại (ánh) trăng suôn (- -)
- 29 - (- -) Nhận được (thơ)
 Công chúa Nhạc Xương (- -) sầu thảm năm (canh)
- 30 - Thương thân (- -) và thương bạn (- -)
 Mãi trông tin (nhận) thờ than (- -)

<u>Lớp V :</u>	31 -	(--)	Là	(HÒ)
	Hò Là	(--)	Hò Xự	(XANG)
	32 - Xang Xê	(--)	Líu Xự	(--)
	Xang Líu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
	33 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Líu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
	34 - Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
	35 -	(--)	Tồn	(Ú)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(Ú)
	36 - Ứ Ứ	(--)	Liu Phạn	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
<u>Lớp VI :</u>	37 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	38 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xế Xáng	(U)	Ứ U Liu	(CỘNG)
	39 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	40 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Xê Xang	(XỰ)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
	41 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(--)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
	42 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
<u>Lớp VII :</u>	43 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	44 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
	45 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
	46 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
	47 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang	(--)	Xê Líu	(XỰ)
	48 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
	Xang Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
	49 -	(--)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(--)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
	50 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
	Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)

Lớp V :

- 31 - (- -) Suốt đêm (ngày)
Nàng bơ phờ (- -) tiêu tụy dung (nhân)
- 32 - Công tử họ Dương (nghe) rõ chuyện (- -)
Cảm thương tình (nghĩa) cho chồng vợ sum (vầy)
- 33 - (- -) Giờ (đây)
Mặt đối mặt (- -) gương lại nổi (gương)
- 34 - Vui câu đoàn (tụ) đến bạc đầu (- -)
Xiết bao nghĩa (nặng) tình sâu (- -)
- 35 - (- -) Đất Giang (Nam)
Lưu truyền mãi (- -) chuyện Từ Đức (Ngôn)
- 36 - Gương vỡ (- -) đà nguyên vẹn (- -)
Không hồ (thẹn) mối tình chung (- -)

Lớp VI :

- 37 - (- -) Trên trời (cao)
Tùng đôi chim (- -) đang nhón như bay (lượn)
- 38 - Biết đâu thế gian lắm (điều) phiền muộn (- -)
Như Đại Phu Hàn (Bằng) cùng nàng Hà (thị)
- 39 - (- -) Tình (duyên)
Đang âm êm (- -) vợ chồng tâm đầu ý (hiệp)
- 40 - Hà thị tài hoa (lại) sắc đẹp (- -)
Nụ cười sóng (mắt) nghiêng ngửa nước (non)
- 41 - (- -) Tống Khang (Vương)
Là một hôn quân (- -) để dạ thâm (yêu)
- 42 - Quyết bắt nàng (đê) vầy duyên (- -)
Dùng uy lực cưỡng bức (nàng) vào cung (- -)
- 43 - (- -) Đau (thương)
Hà thị lên viết (- -) cho chồng bức thơ (mật)
- 44 - Nhưng bị tên hôn (quân) bắt được (- -)
Truyền quan Tô (Hạ) giải rõ nội (dung)
- 45 - (- -) Mối (hay)
Nỗi niềm thương nhớ (- -) nàng gửi đến cho (chồng)
- 46 - Trăm năm giữ (vẹn) một lòng (- -)
Quyết liều một (thác) là xong (- -)
- 47 - (- -) Hôn (quân)
Tuyên chỉ (- -) bắt Hàn Bằng hạ (ngục)
- 48 - Nghĩ gia cang trăm (đường) khổ nhục (- -)
Chàng quá đau (lòng) đành tự sát trong (đêm)
- 49 - (- -) Chốn thâm (cung)
Giọt hồng rơi rụng (- -) héo hắt tâm (can)
- 50 - Đêm ngày sầu (thảm) khóc than (- -)
Khi hay tin (chồng) vĩnh biệt thế (gian)

51 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
52 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
Lớp VIII: 53 -	(--)	Là	(HÒ)
Hò Là	(--)	Hò Xự	(XANG)
54 - Xang Xê	(--)	Líu Xự	(--)
Xang Líu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
55 - Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XÊ)
Ú Xáng	(XÊ)	Ú Phạn Liu	(LIU)
56 - Xang Xê	(--)	Liu Xê	(--)
Ú Xáng	(XÊ)	Phạn Liu	(--)
57 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
58 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Líu Hò	(XỰ)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
59 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
60 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
61 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
62 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(--)
63 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang	(--)	Xê Líu	(XỰ)
64 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xự	(--)
Xang Líu	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
65 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xang Xê	(--)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
66 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(--)
67 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
68 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)

17 – XUÂN TÌNH CHÂN
(48 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

- 51 - (- -) Từ (đây)
Đôi ngã (- -) âm dương cách (biệt)
- 52 - Đường tơ đứt dây (cam) đoạn tuyệt (- -)
Nàng tìm cách (chết) theo bạn tình (chung)
- 53 - (- -) Vọng Nguyệt (Lầu)
Nàng lên đài (- -) cùng Tống Khang (Vương)
- 54 - Thừa lúc hôn (quân) mỗi một (- -)
Nàng lao (xuống) rơi chết dưới chân (đài)
- 55 - (- -) Đoạn (trường)
Kiếp má hồng (- -) trong bão tố phong (ba)
- 56 - Lời hứa thủy (chung) chẳng phai nhòa (- -)
Đành vùi tan (nát) một đời hoa (- -)
- 57 - (- -) Lưu (thơ)
Xin an táng (- -) cùng chồng chung phần (mộ)
- 58 - Tên hôn quân nôi (cơn) thịnh nộ (- -)
Truyền quân đem (chôn) đổi diện hai mộ (phần)
- 59 - (- -) Qua một (đêm)
Bỗng thấy (- -) ở hai bên phần (mộ)
- 60 - Hai cây Tử mộc lên (cao) vùi vùi (- -)
Rễ cây quán (quýt) cành lá giao (đầu)
- 61 - (- -) Trãi (qua)
Xuân Hạ Thu Đông (- -) mưa nắng dãi (dầu)
- 62 - Thường có đôi uyên ương hót (giọng) thăm sâu (- -)
Khóc thương đôi (bạn) tình sâu (- -)
- 63 - (- -) Cho (hay)
Đã kết duyên (- -) thành chồng thành (vợ)
- 64 - Cố giữ sao cho (tròn) duyên nợ (- -)
Để không hổ (thẹn) với những tấm lòng (son)
- 65 - (- -) Chuyện (xưa)
Tích cũ (- -) lưu lại cho đời (sau)
- 66 - Mỗi tình chồng (vợ) thâm sâu (- -)
Cho dù ngăn (cách) biển dâu (- -)
- 67 - (- -) Ví (không)
Dám sánh (- -) những gương xưa ghi (tạc)
- 68 - Thì cũng chớ (nên) bội bạc (- -)
Giữ sao cho (vẹn) tình nghĩa vợ (chồng)

17 – XUÂN TÌNH CHẤN

Kiều vãng Trọng hiên

Soạn lời : Nguyễn Văn Thịnh.1955

Lớp I :	1 -	(- -)	Líu	(CỔNG)
	Líu Líu	(- -)	Xê Xang	(XỤ)
	2 - Xang Líu	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	3 - Tồn	(XANG)	Xang Hò Líu	(XỤ)
	Xự Xang	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(HÒ)
	4 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	5 - Tồn	(XANG)	Xang Hò Líu	(XỤ)
	Xự Xang	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(HÒ)
	6 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	7 - Tồn	(XANG)	Xang Xê Líu	(CỔNG)
	Líu Líu	(- -)	Xê Xang	(XỤ)
	8 - Xang Líu	(XỤ)	Xang Xê	(- -)
	Tồn Liu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	9 - Tồn	(XANG)	Xang Hò Líu	(XỤ)
	Xự Xang	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(HÒ)
	10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(- -)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	11 - Tồn	(XANG)	Xê Líu	(XỤ)
	Xang Líu	(- -)	Xự Hò	(XỤ)
	12 - Hò	(XỤ)	Xang Xự Hò	(CỔNG)
	Xê Líu	(- -)	Cổng Xê	(XANG)
	13 - Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XÊ)
	Liu Liu	(XỀ)	Ú Phạn Xáng	(LIU)
	14 - Xang Xê	(- -)	Liu Xê	(- -)
	Liu Liu	(XỀ)	Ú Phạn Xáng	(LIU)
Lớp II :	15 -	(- -)	Tồn	(U)
	Xê Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xê Xáng	(U)	Ủ U Liu	(CỘNG)
	17 -	(- -)	Tồn	(U)
	Xê Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
	18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
	Xê Xang	(XỤ)	Xang Cổng Líu	(XÊ)
	19 -	(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xang Xê	(- -)	Cổng Líu	(XÊ)
	20 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
	Cổng Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỤ)

Lớp I :

- 1 - (- -) Vùng (ác)
Đã kíp (- -) ngậm gương non (đoài)
- 2 - Kiều chẳng (tiện) ngồi dai (- -)
Liên đứng (lên) kiêu giã bạn (vàng)
- 3 - Gót (sen) nàng bước (nhẹ)
Vội vã (- -) tách chôn trướng (huỳnh)
- 4 - Tin mai vừa (biết) hai thâm tình (- -)
Dờ tiệc (quỳnh) chưa hồi gia (trang)
- 5 - Mừng (thôi) nầy cơn tái (hiệp)
Rèm the (- -) vội rũ cửa (ngoài)
- 6 - Xăm xăm chôn (cũ) trở hải (- -)
Lối vườn (đào) băng mình canh (khuya)
- 7 - Nhật (thưa) nguyệt chiếu
Trải khắp (- -) mấy đầu (cành)
- 8 - Cảnh trời gió (mát) trăng thanh (- -)
Ngọn đèn xa (trông) hiu hắt thơ (phòng)
- 9 - Kim (Sanh) thiu thiu bên (triện)
Tĩnh mê (- -) dưới ngọn đèn (mờ)
- 10 - Bâng khuâng hồn (bướm) dật dờ (- -)
Tợ non (thần) đỉnh giáp ngoạn (du)
- 11 - Tiếng sen sẽ (động) giác hòe tỉnh (dậy)
Nhìn nàng tận (mặt) còn ngờ trong (mộng)
- 12 - Dè đầu người (ngọc) nặng tình Kim (Trọng)
Đêm trường khoảng (vắng) vì hoa theo lối tìm (hoa)
- 13 - Thì (ra) rõ mặt bấy (giờ)
Biết đâu nữa chẳng (là) như giấc chiêm (bao)
- 14 - Vội mừng làm (lễ) rước vào (- -)
Đài sen nói (sáp) song đào thêm (hương)

Lớp II :

- 15 - (- -) Hoa (tiên)
Đồng thảo (- -) một trưng minh (thệ)
- 16 - Vật đổi sao (dời) chẳng nệ (- -)
Đoạn tóc (mây) một lòng chung (thủy)
- 17 - Vẹn (giữ) lời đình (ninh)
Dưới ánh sáng (soi) song song hai (mặt)
- 18 - Chúng có vầng (trắng) giữa trời vầng vặc (- -)
Trăm năm nguyên (tạc) chữ đồng đèn (xương)
- 19 - (- -) Khuyên (mời)
Chén tử (hà) cùng sánh giọng quỳnh (trương)
- 20 - Thơ phòng sực (nức) mùi hương (- -)
Nơi bình (gương) mỹ nhân bóng (lộng)

21 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Xang	(XÊ)
22 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Xê Xang	(XỤ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
23 -	(--)	Líu	(XÊ)
Phạn Ú	(--)	Xáng Tôn	(LIU)
24 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Líu	(--)
Ú Líu	(CỘNG)	Xáng Líu	(--)
25 -	(--)	Là	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
26 - Hò Xê	(--)	Xang Xự	(--)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
27 -	(--)	Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Xang	(XÊ)
28 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Cống Líu	(XÊ)	Xang Xê Líu	(XỤ)
29 -	(--)	Líu	(XÊ)
Phạn Ú	(--)	Xáng Tôn	(LIU)
30 - Xang Xê	(--)	Líu Xê	(--)
Líu Líu	(XÊ)	Ú Phạn Xáng	(LIU)
Lớp III : 31 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xê Xáng	(--)	Ú Líu	(XÀNG)
32 - Xàng Líu	(--)	Líu Xàng	(--)
Líu Líu	(XÀNG)	Tồn Líu Líu	(CỘNG)
33 - Ú Líu	(CỘNG)	Tồn Cộng Líu	(U)
Xê Xáng	(--)	Ú Líu	(CỘNG)
34 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
35 - Tồn	(XANG)	Xang Xê Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Hò	(XỤ)
36 - Hò	(XỤ)	Xang Xự Hò	(CÔNG)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
37 - Líu	(HÒ)	Là Hò Líu	(CÔNG)
Hò Hò	(--)	Cống Xê	(XANG)
38 - Xang Hò	(--)	Hò Công	(--)
Xang Líu	(--)	Cống Xê	(XANG)
39 - Công Xê	(--)	Xang Líu	(XỤ)
Xang Líu	(--)	Xự Xang	(XÊ)
40 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(--)
Cộng Líu	(XÊ)	Cộng Tôn	(LIU)

- 21 - Tâm (sự) đánh (bạo)
Sinh khê bảo (- -) nay gió mát trăng (trong)
- 22 - Mối tơ (lòng) vẫn mong (- -)
Luồng ngại (ngùng) khó tính sao (xong)
- 23 - Nghĩ (vì) chôn Lam (Kiều)
Chưa dùng bước (- -) mong hiển nạp chày (sương)
- 24 - Vẫn còn lỡ (dờ) uyên ương (- -)
Sợ lẫn khân (quá) ra sàm sỡ chằng (- -)
- 25 - Kiều (rằng) hồng diệp xích (thằng)
Một lời (- -) cũng nghĩa tương (tri)
- 26 - Có sao (đâu) chàng nể vị (- -)
Câu chánh (đáng) chớ ngại (chi)
- 27 - (- -) Lãnh (hội)
Đặng ý (cao) đẹp dạ này xiết (bao)
- 28 - Lời hoa (nguyệt) đừng trao (- -)
Tiếng thị (phi) hay chế (nhạo)
- 29 - Được (vậy) còn tiếc nỗi (gì)
Chẳng toại (chí) kẻ nữ nhi (- -)
- 30 - Đừng cho nỗi (bạc) lẫn với chì (- -)
(Rồi) thế sự khinh (khi)
- Lớp III :** 31 - (- -) Nghiêm (trang)
Mà chí lý (thay) câu ngọc lời (vàng)
- 32 - Đánh tan ân (ý) số sàng (- -)
Khiến cho (chàng) càng thêm quý (trọng)
- 33 - Mơ (mộng) thương thức thanh (âm)
Kim bắt (qua) việc đờn tuyệt (diệu)
- 34 - Bảo rằng (Kiều) sánh điệu (- -)
Thiên tư xuất (chúng) tài sánh Du Bá (Nha)
- 35 - Mới trâm (trọng) tay dăng cầm (nguyệt)
Buộc lòng bạn (ngọc) ý vung đáp (tạ)
- 36 - Năm cung to (nhỏ) khay toàn bản (lạ)
Phụng Cầu Tư (Mã) Quảng Lăng Chiêu (Quân)
- 37 - Khiến (người) ngồi (đó)
Lòng luông (- -) ngơ ngẩn xót (xa)
- 38 - Vợ vẫn (sâu) khó tả (- -)
Ruột vò chín (khúc) đôi mảy thiết (tha)
- 39 - Tựa (gối) dường bồi (rồi)
Chẳng an (- -) đầu ngã đòi (con)
- 40 - Liền bày (tỏ) thiết hơn (- -)
Nên mới có (lời) chỉ trách người (on)

Lớp IV :	41 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(XÁNG)
	42 - Xàng Liu	(--)	Liu Xàng	(--)
	Liu Liu	(XÁNG)	Tồn Liu Liu	(CỘNG)
	43 - Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	44 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
	45 - Tồn	(XANG)	Xang Xê Liu	(XU)
	Xang Liu	(--)	Xự Hò	(XU)
	46 - Hò	(XU)	Xang Xự Hò	(CỔNG)
	Xàng Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)
	47 - Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang	(XÊ)
	Liu Liu	(XÊ)	Ú Phạn Xáng	(LIU)
	48 - Xang Xê	(--)	Liu Xê	(--)
	Liu Liu	(XÊ)	Ú Phạn Xáng	(LIU)

18 – TÂY THI TRƯỜNG
(52 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :	1 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	2 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Liu Liu	(U)	Xáng Liu	(--)
	3 -	(--)	Xê	(XANG)
	Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
	4 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
	Xế Xáng	(Ú)	Ú Ú Liu	(CỘNG)
	5 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
	Liu Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
	6 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
	Xê Xang	(XU)	Xang Cống Liu	(XÊ)
	7 -	(--)	Liu	(XÊ)
	Cộng	(--)	Xáng Tồn	(LIU)
	8 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
	Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(--)
	9 -	(--)	Tồn	(LIU)
	Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
	10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
	Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)

- Lớp IV :**
- 41 - (- -) Lựa (chi)
Những khúc (- -) quá đổi nảo (nùng)
 - 42 - Tiêu tao nhưng (- -) lăm đầu lòng (- -)
Ảnh hưởng cho (đời) đây tui (hận)
 - 43 - Lận (đận) rồi truân (chuyên)
Cố dứt (khuyên) đừng tập (luyện)
 - 44 - Liền tạ (chàng) nơi câu chuyện (- -)
Ý cao xin (lãnh) nguyên ghi dạ mai (sau)
 - 45 - Xét (suy) cho cùng (cạn)
Tẻ, Vui, Tan, (Hiệp) đều do tiên (định)
 - 46 - Dễ dàu cái (đặng) Hóa Công thiên (mệnh)
Phù sanh trần (kiếp) lăm đây bụi (nhơ)
 - 47 - Kiêu (nuong) đã lăm tài (tình)
Vì số đoạn (trường) phải lụy với (thân)
 - 48 - Dầu cho trong (giá) trắng ngần (- -)
Phong trần cũng (lắm) phong trần như (ai)

18 – TÂY THI TRƯỜNG **Lễ nhạc giáo hóa dân tâm**

Soạn lời : Nhị Tấn.1974

- 1 - (- -) Ngày (xưa)
Đức Không Phu (Tử) cho rằng lễ (nhạc)
- 2 - Phải được mọi (người) ghi tạc (-)
Hầu (đề) tu thân (- -)
- 3 - (- -) Trước (tiên)
Lễ đối (với) cá nhân con (người)
- 4 - Là để tiết (ché) cái bại tòi (- -)
Bị phát (sanh) do nơi ngoại (vật)
- 5 - (- -) Thói (thường)
Hữu dư tắc (xỉ) vô cấm tắc (dâm)
- 6 - Vô độ (- -) tắc thất (- -)
Cố âm thực (thì) phải chịu ốm (đau)
- 7 - (- -) (Nhà)
Càng rộng (- -) cửa lại càng (cao)
- 8 - Y phục (càng) chuốt trau (- -)
Tinh thần (bại) hoại mau (- -)
- 9 - (- -) Cho (nên)
Ta (- -) cần phải xếp (đặt)
- 10 - Muôn người (- -) muôn mặt (- -)
Dùng lễ (nghĩa) để giáo hóa dân (tâm)

11 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xê	(--)	Công Lúu	(XÊ)
12 - Xang Lúu	(XU)	Xang Xê	(--)
Công Lúu	(XÊ)	Xang Lúu	(XU)
13 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(--)	Xê Xê Xang	(HÒ)
14 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
15 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Công Xê	(XANG)
17 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xê	(--)	Công Xê	(XANG)
18 - Xự Xang	(XÊ)	Xang Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(--)
Lớp II : 19 -	(--)	Tồn	(U)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
20 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
21 -	(--)	Tồn	(U)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(U)
22 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
23 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
24 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
25 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
Ú Liu	(CỘNG)	Liu Xáng	(U)
26 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
Xế Xáng	(U)	Xáng Liu	(--)
27 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
28 - Liu Cộng	(--)	Xê Xàng	(--)
Ú Liu	(PHẠ)	Xáng Liu	(--)
29 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(--)	Xê Xang	(HÒ)
30 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xế Xáng	(Ú)	Ủ Ủ Liu	(CỘNG)

- 11 - (- -) (Nhưng)
 Vua Ai (Công) nước Lỗ bắt (thông)
- 12 - Mới hỏi Khổng (Tử) một câu (- -)
 Áo tang quan (phục) ích chi cho đạo (người)
- 13 - (- -) Nghe (qua)
 Ngài mới (- -) nghiêm trang mà tâu (bày)
- 14 - Khi mặc sô gai (đứng) bên quan tài (- -)
 Y phục (làm) tiếng quyển kèn lánh (xa)
- 15 - (- -) Khi làm (quan)
 Thì dáng điệu (- -) nghiêm trang không (lờn)
- 16 - Đâu phải tánh (tình) nghiêm chỉnh (- -)
 Mà là (do) áo mào tạo (nên)
- 17 - (- -) Một chiến (binh)
 Mình mặc giáp (trụ) tay cầm đao (thương)
- 18 - Không phải cơ (thê) tráng cường (- -)
 Mà do gươm giáo (thành) hùng anh (- -)
- 19 - (- -) Nơi tôn (miếu)
 Chưa dạy dân (- -) phải kính (trọng)
- 20 - Nhưng dân đem (lòng) kính mến (- -)
 Lễ vậy ôi ! để (chừa) cho vừa cái đạo (trung)
- 21 - (- -) Sau (đây)
 Lễ làm xã (hội) trật tự phân (minh)
- 22 - Định phạt bằng (thuyết) chánh danh (- -)
 Quân quân thần (thần) phụ phụ tử (tử)
- 23 - (- -) Quân (sử)
 Thần dĩ (lễ) thần sự quân dĩ (trung)
- 24 - Vua lấy (lễ) mà khiến tôi (- -)
 Tôi phải lấy (tâm) thờ vua cho trọn (đạo)
- 25 - (- -) Thầy Tử (Lộ)
 Hỏi vua nước (Vệ) muốn trị (dân)
- 26 - Trước tiên điều (chi) phải canh tân (- -)
 Cho được (- -) chánh trị hay (- -)
- 27 - (- -) Vừa nghe (qua)
 Đức Khổng (- -) Phu Tử trả (lời)
- 28 - Sửa danh cho (chánh) phải làm ngay (- -)
 Danh không chánh thì (nói) không xuôi (- -)
- 29 - (- -) (Danh)
 Bất chánh (ngôn) bất thuận sự bất (thành)
- 30 - Người quân tử ăn (nói) cho rành (- -)
 Dầu gặp khó (- -) khăn cũng thành (đạt)

31 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
Liu Liu	(CỘNG)	Tồn Cộng Liu	(U)
32 -	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
Xê Xang	(XỤ)	Xang Công Lú	(XÊ)
33 -	(--)	Liu	(XÊ)
Cộng	(--)	Xáng Tôn	(LIU)
34 -	(TỊCH)	Tồn Liu	(--)
Ú Liu	(CỘNG)	Xáng Liu	(--)
35 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xề Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
36 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Công Xê	(XANG)
37 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xê	(--)	Công Lú	(XÊ)
38 -	(XỤ)	Xang Xê	(--)
Công Lú	(XÊ)	Xang Lú	(XỤ)
39 -	(--)	Xê	(XANG)
Xang Xê	(--)	Xề Xê Xang	(HÒ)
40 -	(TỊCH)	Tồn Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
41 -	(--)	Tồn	(LIU)
Xề Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
42 -	(TỊCH)	Tồn Cộng	(--)
Tồn Liu	(--)	Công Xê	(XANG)
43 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xê	(--)	Công Xê	(XANG)
44 -	(XÊ)	Xang Hò	(--)
Xự Xang	(HÒ)	Xự Xang	(--)
Lớp III :	(--)	Tồn	(XÊ)
Công Lú	(XÊ)	Xang Lú	(XỤ)
46 -	(--)	Xang Xê	(--)
Lú Xự	(XỤ)	Xang Xê	(--)
Xang Lú	(--)	Tồn	(CỘNG)
47 -	(--)	Công Xê	(XANG)
Ú Liu	(--)	Xang Xê	(--)
48 -	(XỤ)	Xê Lú	(CỘNG)
Xang Lú	(--)	Tồn	(LIU)
Xê Xang	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
49 -	(--)	Tồn Cộng	(--)
Xề Xáng	(--)	Công Xê	(XANG)
50 -	(TỊCH)		
Tồn Tang	(--)		
Tồn Liu	(--)		

- 31 - (- -) Còn (nhạc)
 Cũng dùng (đề) giáo hóa thế (nhân)
- 32 - Vật và người ảnh (hưởng) hỗ tương (- -)
 Nhạc với lòng (người) cảm hóa lẫn (nhau)
- 33 - (- -) Khi nghe nhạc (buồn)
 Thì lòng (ta) sâu khổ buồn (đau)
- 34 - Còn khi (nghe) nhạc vui (- -)
 Thì lòng ta (vui) biết bao (- -)
- 35 - (- -) Lòng người (ta)
 Một khi (đã) cảm được điều (thiện)
- 36 - Thì thiện (- -) thanh ứng (- -)
 Còn cảm điều (ác) thì ác thanh ứng (ngay)
- 37 - (- -) Nên đời (xưa)
 Mới đặt ra (nhạc) để giáo hóa (dân)
- 38 - Nhạc và Lễ có (mục) đích chung (- -)
 Là sửa (đổi) tinh thần con (người)
- 39 - (- -) (Nhưng)
 Lễ Nhạc (dùng) hai biện pháp không (đồng)
- 40 - Nhạc là cái (động) ở trong lòng (- -)
 Còn Lễ (là) cái động ở ngoài (thân)
- 41 - (- -) Khi hợp (chung)
 Lễ và (Nhạc) tức là hòa với (thuận)
- 42 - Hòa là điều (hòa) tâm tánh (- -)
 Thuận là hợp (thuận) nghĩa lý ở (đời)
- 43 - (- -) Vậy (ai)
 Là quân (tử) thì phải am (thông)
- 44 - Đem Lễ Nhạc thi (thố) với đời (- -)
 Thì mọi (việc) đều xong (- -)
- 45 - (- -) Làm bực mẹ (cha)
 Phải dạy (con) khi chúng mới ra (đời)
- 46 - Phải giáo dục (lớp) hậu sanh (- -)
 Bằng Lễ (giáo) nghiêm minh (- -)
- 47 - (- -) (Lễ)
 Ngăn cấm (- -) việc xấu không xảy (ra)
- 48 - Khỏi cần pháp (luật) xử phân (- -)
 Xử phân làm (cho) dân chịu điều tui (hổ)
- 49 - (- -) Văn (nhân)
 Đem nhạc (ra) để đi dưỡng tánh (tình)
- 50 - Nhưng cần (phải) thông suốt (- -)
 Ca nhạc có (khi) là vô lại xướng (ca)

51 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Xê	(--)	Cổng Xê	(XANG)
52 - Tồn Cộn	(--)	Liu Xê	(--)
Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(--)

C – SÁU BẢN BẮC TÂU MÃ CẢI BIÊN

1 – LƯU THỦY TÂU MÃ

(16 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	(HÒ)	Xự	(XANG)
2 - Xê Xang	(HO)	Xang Xự	(--)
3 - Xang	(XÊ)	Xê Xang	(--)
4 - Xang	(XỰ)	Xự Xang	(--)
5 - Xê	(XANG)	Xang Xang	(XÊ)
6 - Liu	(XÊ)	Liu Cộn	(--)
7 - Liu	(CỘNG)	Cộn Liu	(Ú)
8 - Liu	(Ú)	Xáng Liu	(--)
9 - Ú	(LIU)	Cộn Xê	(--)
10 - Cộn	(--)	Liu	(--)
11 - Ú Liu	(CỘNG)	Liu Cộn	(XÊ)
12 - Liu Cộn	(--)	Liu Xê	(-)
13 - Ú Liu	(CỘNG)	Líu Cộn Xê	(XANG)
14 - Xê Xang	(HÒ)	Hò Xự	(--)
15 - Xê Xang	(XỰ)	Xự Xang	(--)
16 - Xê Xê	(XANG)	Cổng	(HÒ)

2 – PHÚ LỤC TÂU MÃ

(17 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	(Ú)	Tồn Ú	(--)
2 - Xê	(XÁNG)	Xáng Tồn	(LIU)
3 - Tồn	(Ú)	Liu Cộn	(--)
4 - Cộn Liu	(--)	Ú Liu	(--)
5 - Cộn	(LIU)	Liu Cộn	(XÊ)
6 - Líu	(CỘNG)	Líu Cộn Xê	(XANG)
7 - Xang Cộn	(--)	Xang Xê	(--)
8 - Cộn Xê	(XANG)	Xang Xê	(--)
9 - Cộn	(LIU)	Liu Cộn	(XÊ)

- 51 - (- -) Nhạc dân (thanh)
 Gây cho (- -) dân tộc ương hèn (ngay)
 52 - Dùng đắ tội với (cha) ông mình (- -)
 Tổ quốc phải (bị) diệt vong (- -)

C – SÁU BẢN BẮC TẮU MÃ CẢI BIÊN

Đường quê

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

LƯU THỦY TẮU MÃ

- 1 - (Rời) miền (Trung)
- 2 - Nhớ (chùa) Thiên Mục (- -)
- 3 - Nhớ (chợ) Đông Ba (- -)
- 4 - Hồ (Tĩnh) Tâm (- -)
- 5 - Nhớ (dòng) Hương (giang)
- 6 - Sông (dài) rộng (- -)
- 7 - Êm (dịu) ngân (nga)
- 8 - Tiếng (ai) ca (- -)
- 9 - Thoáng (câu) hò (- -)
- 10 - Mái (- -) đậy (- -)
- 11 - Nhớ (nước) đau (lòng)
- 12 - Quốc (- -) kêu (- -)
- 13 - Cát (bước) ra (đi)
- 14 - Ngoảnh (nhìn) lại (- -)
- 15 - Trong (mờ) sương (- -)
- 16 - Núi (Ngự) bạc (đầu)

PHÚ LỤC TẮU MÃ

- 1 - Chón (non) cao (- -)
- 2 - Mây (phủ) Hải (Vân)
- 3 - Biển (xanh) rộng (- -)
- 4 - Mênh (- -) mông (- -)
- 5 - Xa (xa) Ngũ (Hành)
- 6 - Cảnh (sắc) thiên (nhiên)
- 7 - Lá (- -) hoa (- -)
- 8 - Gợi (lòng) ta (- -)
- 9 - Biết (bao) cảm (hoài)

10 - Lú	(CÔNG)	Lú Cồg Xê	(XANG)
11 - Xang Cồg	(--)	Xang Xê	(--)
12 - Cồg Xê	(XANG)	Xang Xê	(--)
13 - Hò Xự	(--)	Xang Xê	(--)
14 - Lú	(CÔNG)	Lú Cồg Xê	(XANG)
15 - Xê	(XANG)	Xang hò	(--)
16 - Lú	(XÊ)	Liu Cộg	(--)
17 - Liu	(Ú)	Xáng Liu	(--)

3 – BÌNH BÁN TÀU MÃ

(22 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Tồn	(LIU)	Xáng	(Ú)
2 - Liu	(CỘG)	Ú Liu	(--)
3 - Xáng	(Ú)	Ú Liu	(CỘG)
4 - Liu	(XÊ)	Cộg Liu	(--)
5 - Liu Xê	(--)	Ú Liu	(--)
6 - Xang	(XÊ)	Xê Liu	(CỘG)
7 - Cồg	(XÙ)	Liu Cộg	(--)
8 - Xàng Xê	(CỘG)	Liu Xáng	(Ú)
9 - Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
10 - Tồn Cộg	(--)	Liu Ú	(--)
11 - Xé	(XÁNG)	Xáng Tồn	(LIU)
12 - Xang	(XÙ)	Xừ Xang	(XÊ)
13 - Liu Cộg	(--)	Liu Xê	(--)
14 - Cồg Lú	(XÊ)	Cồg Xê Xg	(XỰ)
15 - Xê Xang	(--)	Xự Xang	(CÔNG)
16 - Tồn Liu	(--)	Ú Xáng	(LIU)
17 - Xừ	(--)	Xừ Xang	(--)
18 - Xang Xừ	(--)	Xừ Xang	(--)
19 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(XÊ)
20 - Lú	(CÔNG)	Lú Cồg Xê	(XANG)
21 - Cồg Xê	(--)	Xang Xừ	(--)
22 - Xang Xê	(CÔNG)	Lú Cồg Xê	(XANG)

4 – XUÂN TÌ NH TÀU MÃ

(24 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Tồn	(CÔNG)	Lú Cồg Xê	(XANG)
2 - Là	(HÒ)	Hò Xự	(--)

- 10 - Hải (giác) thiên (nhai)
- 11 - Nước (- -) non (- -)
- 12 - Tắm (lòng) son (- -)
- 13 - Sắt (- -) không (- -)
- 14 - Thẹn (vói) cỏ (cây)
- 15 - Tắm (sông) Thu Bồn (- -)
- 16 - Cho (hồn) nhẹ (- -)
- 17 - Thành (thời) bay (- -)

BÌNH BÁN TẦU MÃ

- 1 - Bay (qua) núi (cao)
- 2 - Lòng (xuyên) xao (- -)
- 3 - Nha (Trang) thơ (mộng)
- 4 - Tháp (Bà) rêu (- -)
- 5 - Mờ (- -) xanh (- -)
- 6 - Đá (chông) yên (lặng)
- 7 - Còn (- -) nặng (- -)
- 8 - Chịu (đụng) gian (lao)
- 9 - Sóng (cao) gió (lộng)
- 10 - Vọng (- -) Phu (- -)
- 11 - Nhớ (thuở) xa (xưa)
- 12 - Có (người) ôm (con)
- 13 - Ngóng (- -) trông (- -)
- 14 - Chàng (đi) không (về)
- 15 - Nên (- -) thành (đá)
- 16 - Đứng (- -) trợ (gan)
- 17 - Sương (- -) nắng (- -)
- 18 - Bao (năm) tháng (- -)
- 19 - Nhìn (xem) Tháp (Chàm)
- 20 - Như (Ché) Bồng (Nga)
- 21 - Âu (- -) sâu (- -)
- 22 - Nhớ (nước) non (xa)

XUÂN TÌNH TẦU MÃ

- 1 - (Bước) chân (ta)
- 2 - Qua (Đà) Lạt (- -)

3 - Xang	(--)	Cổng Xê	(XANG)
4 - Tôn	(CÔNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
5 - Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
6 - Xang Xự	(--)	Xự Xang	(--)
7 - Xê	(XANG)	Xang Hò	(--)
8 - Xang	(XỰ)	Líu Cổng	(--)
9 - Xự	(--)	Xự Xang	(XÊ)
10 - Xê Xang	(--)	Xê Xang	(XỰ)
11 - Cổng	(--)	Xang Xê	(--)
12 - Cộn	(TÔN)	Líu	(--)
13 - Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)
14 - Xang Xê	(--)	Xang Xự	(--)
15 - Xê	(XANG)	Xang Hò	(--)
16 - Líu	(XÀNG)	Xàng Líu	(CỘNG)
17 - Líu	(CÔNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
18 - Xang Xự	(--)	Xự Xang	(--)
19 - Là	(HÒ)	Cổng Xê	(XANG)
20 - Cộn Xê	(--)	Xê Líu	(--)
21 - Líu	(XÀNG)	Xàng Líu	(CỘNG)
22 - Líu	(CÔNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
23 - Xang Xự	(--)	Xự Xang	(--)
24 - Xê	(XANG)	Xang Hò	(--)

5 – TÂY THI TẤU MÃ

(26 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 - Líu	(XÊ)	Phạn	(LIU)
2 - Xáng	(Ú)	Ú Líu	(CỘNG)
3 - Líu	(CỘNG)	Líu Xê	(--)
4 - Cộn	(XÀNG)	Líu	(--)
5 - Líu	(CỘNG)	Cổng Xê	(XANG)
6 - Cổng Xê	(--)	Xang Xự	(--)
7 - Xang	(HÒ)	Xang Xự	(--)
8 - Xang	(--)	Cổng Xê	(XANG)
9 - Xang Xự	(--)	Xự Xang	(--)
10 -	(Ú)	Ú Xáng	(Ú)
11 - Xáng	(Ú)	Ú Líu	(CỘNG)
12 - Xang	(XÊ)	Líu Cổng	(--)
13 - Líu	(XÊ)	Xê Cộn	(LIU)
14 - Ú	(--)	Xáng	(LIU)

- 3 - Xem (- -) Phù (Dung)
- 4 - Trắng (xóa) chen (vai)
- 5 - Anh (Đào) xinh (tươi)
- 6 - Nở (- -) hoa (- -)
- 7 - Đẹp (vô) cùng (- -)
- 8 - Ta (dừng) bước (- -)
- 9 - Hồ (- -) Xuân (Hương)
- 10 - Con (- -) sóng (nhẹ)
- 11 - Nhấp (- -) nhô (- -)
- 12 - Qua (đèo) Prenn (- -)
- 13 - Vói (tình) luyến (lưu)
- 14 - Sâu (- -) đậm (- -)
- 15 - Cam (Ly) buồn (- -)
- 16 - Xa (rời) phố (chợ)
- 17 - Mấy (dặm) non (ngàn)
- 18 - Vọng (- -) vang (- -)
- 19 - Tiếng buồn) thác (reo)
- 20 - Dừng (- -) chân (- -)
- 21 - Bồi (hồi) xúc (động)
- 22 - Mang (nặng) u (hoài)
- 23 - Vượt (- -) qua (- -)
- 24 - Sông (La) Ngà (- -)

TÂY THI TẤU MÃ

- 1 - Ta (vè) Đồng (Nai)
- 2 - Trên (con) thuyền (nhẹ)
- 3 - Sóng (bập) bênh (- -)
- 4 - Chân (trời) xa (- -)
- 5 - Lấp (lánh) trắng (soi)
- 6 - Sông (- -) bạc (- -)
- 7 - Rắc (vàng) nhạt (- -)
- 8 - Như (- -) thoáng (nghe)
- 9 - Giọng (- -) ai (- -)
- 10 - Cát (tiếng) trên (sông)
- 11 - Ngân (nga) ví (dặm)
- 12 - Khiến (lòng) nặng (- -)
- 13 - Bao (tình) quê (hương)
- 14 - Hồn (- -) ta (- -)

15 - Xáng	(Ú)	Ú Liu	(CỘNG)
16 - Liu	(CỘNG)	Liu Xê	(--)
17 - Cộnḡ	(XÀNG)	Liu	(--)
18 - Líu	(CỔNG)	Cổḡ Xê	(XANG)
19 - Cộnḡ Xê	(--)	Xang Xự	(--)
20 - Xang	(HÒ)	Xang Xự	(--)
21 - Xang	(--)	Cổḡ Xê	(XANG)
22 - Xang Xự	(--)	Xự Xang	(--)
23 - Cộnḡ Xê	(XANG)	Xê	(--)
24 - Xê Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỔNG)
25 - Líu	(CỔNG)	Xê Xang	(--)
26 - Cộnḡ	(XÀNG)	Liu	(--)

6 – CỔ BẢN TÀU MÃ

(34 câu, nhịp đôi, song lang 1-2)

1 -	(XÊ)		(XU)
2 -	(XANG)	Hò	(HÒ)
3 - Xự	(XANG)	Xự	(--)
4 - Xang Cộnḡ	(XÊ)	Xang Hò Xự	(XANG)
5 - Xê	(--)	Xự	(--)
6 - Xế	(XANG)	Hò	(HÒ)
7 - Xự	(XANG)	Xự	(XANG)
8 - Xế	(XANG)	Phạn	(LIU)
9 - Liu	(--)	Liu	(PHẠN)
10 - Liu	(--)	Hò Là	(XANG)
11 - Xê Cộnḡ	(--)	Xê Xang	(--)
12 - Xang Xừ	(--)	Xang Cộnḡ	(--)
13 - Xê Xang	(--)	Xê	(--)
14 - Cộnḡ	(XÀNG)	Liu	(--)
15 - Ú	(--)	Xáng	(U)
16 - Xáng	(--)	Ú	(LIU)
17 - Ú	(--)	Xáng	(--)
18 - Ú Liu	(Ú)	Xáng	(--)
19 - Ú	(XÁNG)	Liu	(--)
20 - Ú	(LIU)	Cộnḡ	(XÊ)
21 - Xàng	(--)	Liu	(--)
22 - Hò	(XÊ)	Líu Cộnḡ Xê	(XANG)
23 - Xự	(--)	Xang	(--)
24 - Hò Hò Xự	(XANG)	Xàng	(--)

- 15 - Như (đôi) cánh (nhạn)
- 16 - Lướt (dặm) ngàn (- -)
- 17 - Xuôi (về) Nam (- -)
- 18 - Bến (Lúc) Long (An)
- 19 - Trái (- -) ngọt (- -)
- 20 - Lúa (vàng) đậm (- -)
- 21 - Đồi (- -) dòng (sông)
- 22 - Cỏ (- -) Đông (- -)
- 23 - Và (Cỏ) Tây (- -)
- 24 - Qua (đò) Mỹ (Thuận)
- 25 - Ta (vượt) sông (Tiền)
- 26 - Đến (Vĩnh) Long (- -)

CỔ BẢN TÀU MÃ

- 1 - (Qua) sông (Hậu)
- 2 - (Nghe) điệu (hò)
- 3 - Miền (quê) ngoại (- -)
- 4 - (Qua) Tây (Đô)
- 5 - Tấp (- -) nập (- -)
- 6 - (Nhưng) hiền (hòa)
- 7 - Biển (lúa) mênh (mông)
- 8 - (Mỗi) cánh (cò)
- 9 - Miền (- -) Đông (Tháp)
- 10 - Ôi ! (- -) nửa (năm)
- 11 - Nước (- -) lên (- -)
- 12 - Muôn ngàn (- -) tôm cá (- -)
- 13 - Dọc (- -) ngang (- -)
- 14 - Đất (phù) sa (- -)
- 15 - Ngàn năm (- -) đã (vun)
- 16 - Đắp (- -) cho (quê)
- 17 - Hương (- -) đứng (- -)
- 18 - Trên (biển) lúa (- -)
- 19 - Nhìn (trời) xa (- -)
- 20 - Bấy (núi) im (lìm)
- 21 - Vội thời (- -) gian (- -)
- 22 - (Miền) Bến (Tre)
- 23 - Dừa (- -) xanh (- -)
- 24 - Nước (ngọt) ngào (- -)

25 - Cộg	(XÀNG)	Liu	(--)
26 - Hò	(XÊ)	Líu Cồg Xê	(XANG)
27 - Xự	(--)	Xang	(--)
28 - Cộg	(TỒN)	Liu	(--)
29 - Liu Liu	(XỀ)	Liu Liu	(CỘG)
30 - Liu Liu	(CỘG)	Líu Cồg Xê	(XANG)
31 - Xự	(--)	Xang	(--)
32 - Hò Hò Xự	(XANG)	Xàng	(--)
33 - Cộg	(XÀNG)	Liu	(--)
34 - Xàng	(CỒG)	Líu Cồg Xê	(XANG)

(Sáu Bản Bắc Tàu Mã này được sao chép lại trong tập nhạc của cố nhạc sĩ Tư Nghi)

D – BỘ NGŨ CHÂU

1 – KIM TIỀN BẢN

(16 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 - (--)	Tồn		(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
2 - Liu	(--)	Xề Cộg	(LIU)
Ú Liu	(CỘG)	Tồn Liu	(--)
3 -	(--)	Tồn	(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
4 - Liu	(--)	Xề Cộg	(LIU)
Ú Liu	(CỘG)	Tồn Liu	(--)
5 - Tồn	(CỒG)	Ú Líu	(XÊ)
Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(--)
6 - Tồn	(CỒG)	Líu Cồg Xê	(XANG)
Cồg Xê	(XANG)	Cồg Xê	(--)
7 -	(--)	Tồn	(Ú)
Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘG)
8 - Liu	(--)	Xề Cộg	(LIU)
Ú Liu	(CỘG)	Tồn Liu	(--)
9 - Tồn	(CỒG)	Ú Líu	(XÊ)
Xang Líu	(XỰ)	Xang Xê	(--)
10 - Tồn	(CỒG)	Líu Cồg Xê	(XANG)
Cồg Xê	(XANG)	Cồg Xê	(--)
11 -	(--)	Tồn	(XÊ)
Cồg Líu	(XÊ)	Xề Cồg Xê	(XANG)

- 25 - Biển (Hà) Tiên (- -)
- 26 - (Đá) thiên (nhiên)
- 27 - Dựng (- -) nên (- -)
- 28 - Đứng (ngàn) năm (- -)
- 29 - Về (miền) U (Minh)
- 30 - Nghe (tiếng) muối (reo)
- 31 - Sóng (âm) thầm (- -)
- 32 - Vời (- -) trông (- -)
- 33 - Ngoài (trùng) khơi (- -)
- 34 - Lốp (lốp) rong (chơi)



D – BỘ NGŨ CHÂU

1 – KIM TIÊN BẢN Giống Rồng Tiên

- 1 - (- -) Đàn (chim)
Tung bay (- -) đến nơi vô (tận)
- 2 - Khi (trời) sắp hoàng (hôn)
Quay về (nơi) tổ rơm (- -)
- 3 - (- -) Nước (trong)
Chảy ra (- -) sông sâu bể (rộng)
- 4 - Hóa (thành) ánh tường (vân)
Động về (chón) nguồn thân (- -)
- 5 - (Người) thương nước mến quê (huương)
Phải nhớ công (đức) của Hùng Vương (- -)
- 6 - (Thủy) tổ giống tiên (rồng)
Đặt vững (bền) non sông (- -)
- 7 - (- -) Ngày (xưa)
Lạc Long (- -) Quân phối (hiệp)
- 8 - (Cùng) tiên nữ Âu (Cơ)
Sanh đặng (một) bào thai (- -)
- 9 - (Lúc) nở thành trăm (con)
Tình thân (ái) keo sơn (- -)
- 10 - (Trăm) tánh vẫn khác (nhau)
Nghĩa đồng (bào) càng cao (- -)
- 11 - (- -) Ngoài (ra)
Đức Hùng (Vương) phải đấu (tranh)

12 - Cống Xê	(XANG)	Xang Cống Lú	(XÊ)
Cống Lú	(XÊ)	Xang Xê Lú	(XỤ)
13 - Xê	(XANG)	Xang Xê Lú	(XỤ)
Xang Lú	(XỤ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
14 - Tồn	(XÊ)	Xê Xang	(XÊ)
Cống Hò	(XÊ)	Xang Xê Lú	(XỤ)
15 -	(--)	Tồn	(Ứ)
Xế Xáng	(--)	Ứ Liu	(CỘNG)
16 - Liu	(--)	Xề Cộng	(LIU)
Ứ Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(--)

2 – NGỰ GIÁ

(14 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -	(--)	Tồn	(LIU)
Ứ Liu	(--)	Xề Cộng	(LIU)
2 - Tồn	(XÁNG)	Xế Xáng	(LIU)
Ứ Liu	(--)	Cộng Ứ	(LIU)
3 - Tồn	(LIU)	Xáng Ứ Liu	(CỘNG)
Cống Xê	(XANG)	Xê Lú	(CỔNG)
4 -	(--)	Tồn	(CỘNG)
Ứ Liu	(--)	Cống Hò	(XỤ)
5 - Xang	(XÊ)	Xề Xê Xang	(XỤ)
Hò Là	(XỤ)	Xang Cống Xê	(XANG)
6 - Tồn	(XANG)	Cống Lú	(XÊ)
Xang Lú	(--)	Cống Xê	(XANG)
7 -	(--)	Là	(HÒ)
Xê Xang	(--)	Hò Xự	(XANG)
8 - Tồn	(XANG)	Cống Lú	(XÊ)
Xang	(--)	Xự Xê	(XANG)
9 -	(--)	Là	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
10 - Tồn	(XANG)	Xê	(XANG)
Xê Xang	(--)	Xang Cống Lú	(XÊ)
11 -	(--)	Xê	(XANG)
Xê Xang	(--)	Xang Cống Lú	(XÊ)
12 - Tồn	(CỔNG)	Ứ Liu	(XÊ)
Cống Lú	(--)	Xê Xang	(XỤ)
13 -	(--)	Tồn	(Ứ)
Xế Xáng	(--)	Ứ Liu	(CỘNG)

- 12 - (Thủy) ách thiên (tai)
 (Cùng) là bọn xâm (loàn)
- 13 - Mở (mang) đất đai sâu (rộng)
 Khuyên (lo) việc canh (nông)
- 14 - Dạy (dân) thuần phong mỹ (hạnh)
 Mùì (tám) đời vương cường (thạnh)
- 15 - (- -) Ngày (nay)
 Việt Nam (- -) chen vai thế (thượng)
- 16 - Bản (đồ) đã vạch (ra)
 Từ (thủ) xa xưa (- -)

2 – NGŨ GIÁ

Từ Hải làm mưu

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

- 1 - (- -) Từ (công)
 Bối nghe (- -) lời Kiều (Nương)
- 2 - Hồ Tôn (Hiển) kế mưu (sâu)
 Đóng quân (- -) giả chước chiêu (an)
- 3 - Lễ (tiên) còn binh (hậu)
 Thừa (cơ) đồng xạ (tiển)
- 4 - (- -) Ôm (hận)
 Từ công (- -) chết giữa (vòng)
- 5 - Ôi một (đáng) anh hùng (- -)
 Đường (đường) khí phách hiên (ngang)
- 6 - (- -) Bấy (lâu)
 Hùng cứ (- -) bể Sở, sông (Ngô)
- 7 - Bó (thân) về với triều (đỉnh)
 Hàng (thần) lơ láo ra (chi)
- 8 - (- -) Kiều (nương)
 Nhi nữ (- -) lòng cả (tin)
- 9 - Khuyên (nên) chịu tiếng Vương (thần)
 Yên (bè) rộng đường thanh (vân)
- 10 - (- -) Bối (nghe)
 Nĩ non (- -) lòng cũng (nao)
- 11 - (- -) Từ (công)
 Bỏ bê (- -) việc binh (đao)
- 12 - Tiếp (sứ) lễ phục đại (quan)
 Hờ hững (- -) nên vong (mạng)
- 13 - (- -) Than (ôi)
 Đứng giữa (- -) nơi chiến (địa)

14 - Liu Liu	(- -)	Xê Cộng	(LIU)
Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(- -)

3 – HỒ LAN

(12 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -	(- -)	Xê	(XANG)
Xê Lú	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
2 - Tồn	(XANG)	Xang Cống Lú	(XÊ)
Xê Xang	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)
3 - Tồn	(XANG)	Là	(HÒ)
Là Xự Xang	(- -)	Xang Cống Lú	(XÊ)
4 - Tồn	(XÊ)	Cống Lú	(XÊ)
Cống Lú	(- -)	Xê Xang	(XỰ)
5 - Lú	(XỰ)	Hò Xự Xang	(XÊ)
Cống Xê	(XANG)	Cống Xê	(- -)
6 - Tồn	(XÊ)	Xê Cộng	(LIU)
Cộng Cộng	(TỒN)	Liu	(- -)
7 -	(- -)	Tồn	(LIU)
Ú Liu	(- -)	Xê Cộng	(LIU)
8 - Tồn	(LIU)	Xê Xáng	(Ú)
Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
9 -	(- -)	Tồn	(LIU)
Ú Liu	(- -)	Xê Cộng	(LIU)
10 - Tồn	(LIU)	Xê Xáng	(Ú)
Ú Liu	(CỘNG)	Liu Ú Xáng	(LIU)
11 - Tồn	(LIU)	Xê Xáng	(Ú)
Xê Xáng	(- -)	Ú Liu	(CỘNG)
12 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Xàng Liu	(- -)	Cống Xê	(XANG)

4 – VẠN LIÊN

(10 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -	(- -)	Là	(XỰ)
Xang Xang	(HÒ)	Hò Xang	(XỰ)
2 -	(- -)	Là	(HÒ)
Xự Xang	(- -)	Xang Xê Lú	(CỐNG)
3 -	(- -)	Tồn	(CỐNG)
Liu Liu	(- -)	Xê Xang Lú	(CỐNG)

- 14 - Cuộc (đòi) một đấng trượng (phu)
Đành ôm (hận) thiên thu (- -)

3 – HỒ LAN

Thúy Kiều làm mưu

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

- 1 - (- -) Sở (Khanh)
Tú (Bà) phường lầu (xanh)
- 2 - (- -) Cùng (nhau)
Kế (bày) gạt Kiều (nhi)
- 3 - (- -) Từ (ngày)
Lạc bước (- -) đến Lâm (Truy)
- 4 - (- -) Kiều (nhi)
Nhất quyết (- -) không tuân (mệnh)
- 5 - Chẳng (thà) nàng liễu (thân)
Chớ không (chịu) bán thân (- -)
- 6 - Đành (cam) phận chim (xanh)
Giữa bốn (bê) lầu xanh (- -)
- 7 - (- -) Sở (Khanh)
Bày kế (- -) “dĩ đào (mưu)”
- 8 - Thừa (cơ) lên bước ra (đi)
Cũng (liều) nhắm mắt đưa (chân)
- 9 - (- -) Ngờ (đâu)
Lầm kế (- -) bọn thanh (lâu)
- 10 - Đành (cam) chịu đòn (roi)
Van (lạy) người chẳng (tha)
- 11 - Toàn (thân) nát thịt tan (da)
Đã vướng (- -) vòng lặn (đận)
- 12 - Thi (thôi) mặc cho số (phận)
Thân lươn (- -) bao quản lấm (đầu)

4 – VẠN LIÊN

Dùng mẹo trị côn đồ

- 1 - (- -) Đám dân (làng)
Nhìn thương (chàng) đã bị mất (bạc)
- 2 - (- -) Trợn hai (ngày)
Năm lần (- -) ra khóc (kê)
- 3 - (- -) Ngâm (giúp)
Mật báo với (- -) quan trên phân (xử)

4 -		(--)	Là	(XỤ)
	Xang Xang	(HÒ)	Hò Xang	(XỤ)
5 -		(--)	Là	(HÒ)
	Xự Xang	(--)	Xang Xê Líu	(CÔNG)
6 -		(--)	Tồn	(CÔNG)
	Liu Liu	(--)	Xê Xang Líu	(CÔNG)
7 -		(--)	Tồn	(CÔNG)
	Liu Liu	(--)	Xê Xang Líu	(CÔNG)
8 -		(--)	Tồn	(CÔNG)
	Liu Liu	(Ú)	Ú Liu Ú	(CỘNG)
9 -	Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
	Cổng Xê	(XANG)	Xang Cổng	(XÊ)
10 -	Tồn	(XÊ)	Cổng Xê Xang	(XỤ)
	Xang Xang	(HÒ)	Xang Xê	(--)

5 – SONG PHI HỒ ĐIỆP
(20 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

<u>Lớp I :</u>	1 -		(--)	Là	(HÒ)
		Xự Xang	(--)	Hò Xang	(XỤ)
	2 -		(--)	Là	(XỤ)
		Xang Xang	(--)	Xang Xê Líu	(CÔNG)
	3 -		(--)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(--)	Liu Xáng	(Ú)
	4 -		(--)	Tồn	(Ú)
		Xế Xáng	(--)	Phạn Xáng	(LIU)
	5 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xê	(XANG)	Xự Xang	(XÊ)
	6 -	Xừ Cổng	(--)	Ú Liu	(XÊ)
		Cổng Líu	(--)	Xê Xang	(XỤ)
<u>Lớp II :</u>	7 -		(XỤ)	Liu	(XÊ)
		Ú	(--)	Phạn Liu	(LIU)
	8 -	Xang Xê	(--)	Xang Xê	(-)
		Ú Liu	(PHẠN)	Liu Ú Xáng	(LIU)
	9 -		(--)	Tồn	(LIU)
		Xế Xáng	(--)	Ú Liu	(CỘNG)
10 -	Liu	(XÊ)	Tồn Xê Cọng	(LIU)	
	Tồn Liu	(--)	Cổng Xê	(XANG)	
11 -		(--)	Tồn	(XANG)	
	Xang	(--)	Xảng Xang	(HÒ)	

- 4 - (- -) Được hạ lệnh (truyền)
Nhánh cây đa (thần) liền cho (chặt)
- 5 - (- -) Khiêng đem (về)
Nơi công môn (- -) tra khảo (mãi)
- 6 - (- -) Đào (lổ)
Sai quân núp (- -) kêu dung (thứ)
- 7 - (- -) Rằng quyết hứa (chỉ)
Danh tánh (- -) tên ăn (cắp)
- 8 - (- -) Người đạo (chích)
Khi ấy đứng (xem) lòng quá lo (sợ)
- 9 - Chàng liền chạy (vô) lạy quan tở (thiệt)
Tôi là (- -) kẻ cắp (đây)
- 10 - Nhờ mưu (cao) đánh cây bắt (bộm)
Hậu thế mãi (còn) bia danh (- -)

5 – SONG PHI HỒ ĐIỆP

Vọng chinh phu

- 1 - (- -) (Tình)
Đôi ta (- -) do duyên trời sỏ (định)
- 2 - (- -) (Chồng)
Vợ (- -) se sẵn tơ (tóc)
- 3 - (- -) (Đôi)
Lúa (- -) đôi sánh (duyên)
- 4 - (- -) (Nghĩa)
Phu thê (- -) ân nặng gắn (ghi)
- 5 - Vui vầy (- -) như đàn chim (xanh)
Giây phút (-) chẳng cách (nhau)
- 6 - Đầu quân (- -) lao đao (- -)
Trải mưa (thu) bao nắng (hạ)
- 7 - (- -) Sao (dời)
Vật đổi (- -) chẳng hề (phai)
- 8 - Gái sắc (- -) trai tài (- -)
Khấn khít (- -) tình keo (son)
- 9 - (- -) Dè (đâu)
Nước non (- -) gặp hồi ly (loạn)
- 10 - Ân tình (- -) xẻ chia (đôi)
Chích (- -) phụng ly (hoàng)
- 11 - (- -) Thân (traí)
Chàng (- -) nặng gánh son (hà)

12 - Xang Xự	(--)	Xang Hò	(--)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
13 -	(--)	Tồn	(Ú)
Ủ Ủ	(--)	Ú Liu	(Ú)
14 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Ú	(--)
Ú Liu	(PHẠN)	Xáng Liu	(--)

Lớp III : *Chuyển hơi Oán (Hò Tư qua Hò Nhì hoặc Hò Nhứt qua Hò Tư)*

15 - Xáng Xang Xự	(HÒ)	Xáng Ú Liu	(OAN)
Oan Oan	(XỀ)	Xàng Xề Oan	(LIU)
16 - Liu Xề	(--)	Oan Liu	(--)
Xự Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xự	(HÒ)
17 - Hò Xang Xê	(--)	Xang Hò	(--)
Xự Xang	(XÊ)	Líu Xê Xang Xự	(XANG)
18 - Hò Xự Xê	(--)	Xê Líu Hò	(--)
Xự Xang	(XÊ)	Xê Xê Xang Xự	(XANG)
19 -	(--)	Xề Oan	(LIU)
Xáng Xang Xự	(HÒ)	Xề Hò Xg Xự	(XANG)
20 - Xê Líu	(--)	Xê Xang	(--)
Liu Liu	(LIU)	Liu Cống Xê	(XANG)

E – BỘ TỬ BỬU

1 – MINH HOÀNG THƯỜNG NGUYỆT

(18 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 - Là	(XỰ)	Xang Xang	(HÒ)
Là Là	(HÒ)	Xê Líu	(XỰ)
2 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Xang Xê	(--)	Líu Cống Xê	(XANG)
3 -	(XANG)	Xang Hò	(XỰ)
Xang Tồn	(--)	Hò Tồn Xang	(XỰ)
4 - Là	(HÒ)	Hò Xang	(XỰ)
Xang Xang	(--)	Cống Xê	(XANG)
5 - Xê	(XÁNG)	Xáng Ú	(LIU)
Ú Liu	(CỘNG)	Tồn Liu	(--)
6 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Liu Liu	(XÊ)	Liu Cống	(--)

- 12 - Thiếp phận (- -) đàn bà (- -)
 Xin trọn (phần) nội trợ tề (gia)
- 13 - (- -) Vai (mang)
 Cung (- -) kiếm lướt (xông)
- 14 - Chàng cố (- -) ra công (- -)
 Thiếp đành nệm (chích) phòng không (- -)

(chuyển hơi Oán từ Hồ Tư qua Hồ Nhi hoặc từ Hồ Nhứt qua Hồ Tư)

- 15 - (- -) Thường (đêm)
 Chong ngọn (đèn) dầu sầu tan (canh)
- 16 - Tường hình (bóng) lang quân (- -)
 Lòng đợi (trông) luống những mối (mòn)
- 17 - Trắng khuyết (- -) rồi lại tròn (- -)
 Thường vọng (- -) bóng chinh (nhân)
- 18 - Lỡ nhịp (- -) cung đàn (- -)
 Cầm sắt (- -) trỗi dờ (dang)
- 19 - (- -) Từ (ngày)
 Lên đàn (- -) chàng tưng (chinh)
- 20 - Vắng bật (- -) âm tin (- -)
 Nỗi nhớ (thương) biết tỏ cùng (ai)

E – BỘ TỬ BỬU

1 – MINH HOÀNG THƯỜNG NGUYỆT Khúc Nghệ Thường

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

- 1 - Vắng (vặc) ánh trăng (rằm)
 Lung trời (- -) vang tiếng (hạc)
- 2 - Đường (vuông) dưới trăng mơ (mộng)
 Hồn thơ (- -) bát ngát men (say)
- 3 - (- -) Khoan (nhật)
 Cung đàn (- -) đêm thu nhã (nhạc)
- 4 - Tâm (hồn) lâng lâng phiêu (bạt)
 Chơi vui (- -) vào cõi Thiên (Tiên)
- 5 - Chớp (mắt) bỏ trần (gian)
 Vào cung (điện) thên thang (- -)
- 6 - Đâu (đây) hương thơm diu (địu)
 Hằng Nga mỹ (miều) yếu điệu (- -)

7 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Liu Liu	(- -)	Xê Cộng	(LIU)
8 - Tồn	(- -)	Ú Xáng	(LIU)
Là	(HÒ)	Hò Xự	(XANG)
9 - Tồn	(XÊ)	Cốg Xê	(XANG)
Tồn	(- -)	Xê Líu	(CỘNG)
10 - Tồn	(Ú)	Liu Xáng	(LIU)
Tồn Liu	(- -)	Cốg Líu	(XÊ)
11 - Hò	(- -)	Hò Xê	(- -)
Hò Hò	(- -)	Xê Líu	(XỰ)
12 - Xang	(- -)	Là Hò	(- -)
Xự Xang	(XÊ)	Líu Cốg Xê	(XANG)
13 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Xang Xê	(- -)	Líu Cốg Xê	(XANG)
14 - Tồn	(XÊ)	Cốg Xê Xang	(XỰ)
Xang Xang	(- -)	Hò Xự	(XANG)
15 - Là Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xang Xê	(- -)	Líu Cốg Xê	(XANG)
16 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Xê	(- -)
Xang Xê	(- -)	Líu Cốg Xê	(XANG)
17 - Líu	(XỰ)	Xang Xê Líu	(HÒ)
Xang Xê	(- -)	Cốg Líu	(XÊ)
18 - Tồn Cốg	(- -)	Líu Xê	(- -)
Cộng Liu	(Ú)	Xê Xáng	(LIU)

2 – NGỰ GIÁ ĐĂNG LÂU
(14 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Xê Xang	(- -)	Xê Líu	(CỘNG)
2 - Liu	(- -)	Liu Cộng	(- -)
Cốg Xê	(XANG)	Xê Líu	(CỘNG)
3 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CỘNG)
Ú Liu	(- -)	Cốg Xang	(XÊ)
4 - Xự	(- -)	Xang Cốg	(- -)
Hò	(- -)	Xê Líu	(CỘNG)
5 - Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xang	(- -)	Cốg Xang	(XÊ)
6 - Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xang	(- -)	Xê Líu	(CỘNG)

- 7 - Đàn (Tiên) thướt tha gót (nhẹ)
Cung mời (- -) chén ngọc quỳnh (trương)
- 8 - Tiếng nhạc (- -) ngân nga trời (lên)
Khúc Nghê (Thường) ngậy ngát tiêu (diêu)
- 9 - Áo (xiêm) trước gió tung (bay)
Hào (quang) tràn lan cung (Quãng)
- 10 - Xa (xa) lấp lánh sông (Ngân)
Nhạc khúc (- -) thần điệu nhã (ca)
- 11 - Ngắm nàng (- -) Hằng Nga (- -)
Mơ (màng) vuốt ve thỏ (ngọc)
- 12 - Tay (Tiên) dịu dàng (- -)
Đường (vương) ngậy ngát mê (say)
- 13 - Lỡ (tay) đánh rơi chén (ngọc)
Tĩnh (ra) mới biết chiêm (bao)
- 14 - Bâng (khuâng) nhìn cõi (tục)
Trăng khuya (- -) đã xế hiên (tây)
- 15 - Điện ngọc (- -) cung vàng (- -)
Đâu đây (- -) vắng tiếng cung (thương)
- 16 - Tâm hồn (nặng) tư lương (- -)
Nhìn quanh (- -) vắng bóng Tiên (nuong)
- 17 - Còn (lại) khúc Nghê (Thường)
Dư âm (- -) theo gió quyện (huong)
- 18 - Thoang thoang (- -) quỳnh tương (- -)
Cho đời (mãi) vẫn vương (- -)

2 – NGỮ GIÁ ĐĂNG LÂU

Tửu, nhạc đăng lâu

- 1 - (Lẳng) (lặng)
Không (- -) ai bầu (bạn)
- 2 - Bát (- -) ngát (- -)
Canh (- -) chày chưa (sáng)
- 3 - Túng (- -) phải (- -)
Dụng tửu (- -) phá thành (sầu)
- 4 - Thoạt (- -) tỉnh (- -)
Thoạt (- -) say ngao (ngán)
- 5 - Mau (- -) đem cầm (- -)
Khảy (- -) cho (khuây)
- 6 - Thiệt (- -) nợ (- -)
Phong (- -) lưu mới (hản)

7 - Xừ	(CÔNG)	Xừ Cống	(--)
Xừ Cống	(--)	Xừ Cống	(--)
8 - Tồn	(LIU)	Xáng Ú Liu	(CÔNG)
Xê Xang	(--)	Xê Líu	(CÔNG)
9 - Xự	(--)	Xang Hò	(--)
Xang	(--)	Cống Líu	(XÊ)
10 - Xự	(--)	Xang Hò	(--)
Xang	(--)	Xê Líu	(CÔNG)
11 - Xang	(XÊ)	Cống Xê Xang	(XỰ)
Tồn	(CÔNG)	Xê Xang Tồn	(XANG)
12 -	(HÒ)	Xang	(XỰ)
Xê Xang	(--)	Hò Xang	(XỰ)
13 - Xự	(--)	Xang Hò	(--)
Xang	(--)	Cống Xang	(XÊ)
14 -	(--)		(--)
Tồn	(LIU)	Cống Líu	(XÊ)

3 – PHÒ MÃ GIAO DUYÊN

(12 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 - Là	(XỰ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
Líu Líu	(CÔNG)	Xừ Cống Xê	(XANG)
2 - Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CÔNG)
Liu	(Ú)	Liu Cống Líu	(XÊ)
3 - Cống Xê	(--)	Xang Hò Là	(XỰ)
	(--)	Hò Xang Xê	(CÔNG)
4 - Xê Xang	(XÊ)	Líu Xự Xang	(XÊ)
Xự Xang	(HÒ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
5 - Là Là	(HÒ)	Là Là	(XỰ)
Líu	(HÒ)	Xang Xang	(XỰ)
6 - Là	(HÒ)	Là Xự Xang	(XÊ)
Líu	(XỰ)	Cống Xê Xang	(HÒ)
7 - Liu Liu	(XÊ)	Xê Liu	(PHAN)
Phan	(--)	Xê Liu Phan	(LIU)
8 -	(--)		(--)
Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CÔNG)
9 - Là	(XỰ)	Xáng Xang	(HÒ)
Xê Cống	(--)	Xê Xang	(HÒ)
10 - Phan	(--)	Liu Tồn	(LIU)
	(--)		(--)

- 7 - Làm (lãng) làm lãng (- -)
Làm (lãng) làm lãng (- -)
- 8 - Khảy (- -) thử (- -)
Khúc (- -) đàn chế (bản)
- 9 - Lặng (- -) trời (- -)
Trăng (- -) tỏ đêm (thu)
- 10 - Rượu (- -) xách lên (lầu)
Vui (- -) thú xem (thấy)
- 11 - Trên (-) sân ba (chậu)
Nây (- -) cúc đơm (bông)
- 12 - Nhìn (- -) rõ bóng (hồng)
Buồn (- -) Hậu Nghệ (- -)
- 13 - Thiệt (- -) ta sầu (- -)
Kim cổ (- -) nhớ mệnh (mang)
- 14 - (- -) (- -)
Sao tỏ (- -) chiếu trên (không)

3 – PHÒ MÃ GIAO DUYÊN

Đêm vu quy

- 1 - (Hiệp) giai (kỳ)
Yên (- -) nhĩ vu (quy)
- 2 - (Song) tin (lập)
Phuông (- -) phuông song (thê)
- 3 - Tam sanh (- -) ta là Thạch (Thượng)
(- -) Đồng tâm (Đế)
- 4 - Vô cùng (sơn) hải thệ hành (vân)
(Uông) đoạn (trường)
- 5 - Ngũ quan (- -) ta là nhàn (lạc)
(Đào) huê (mảng)
- 6 - (Hêm) gia (trang)
(Toại) vu (trường)
- 7 - Bạch (đầu) bạch đầu tương (tự)
Hườn (- -) tiền vương tiền (vương)
- 8 - (- -) (- -)
(Hà) thỏa (thích)
- 9 - (Tịnh) ân (hoài)
Nhi (- -) tích vu (hoài)
- 10 - Độ (- -) tương tư tương (tư)
(- -) (- -)

11 -	(XANG)	Xang Xự Xang	(HÒ)
Công Xê	(- -)	Xang Hò Xự	(XANG)
12 - Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CÔNG)
Công Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)

4 – ÁI TỬ KÊ

(19 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I :

1 -	(- -)	Tồn	(LIU)
Liu	(- -)	Líu Liu	(CỘNG)
2 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
Ú Líu	(CÔNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
3 - Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
4 - Xang Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
5 - Là	(LIU)	Liu Liu	(TÍCH) “Xáng”
Xáng Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
6 - Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
Liu Liu	(XÁNG)	Xáng Liu	(- -)
7 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu Liu	(TÍCH) “Xáng”
Liu Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Liu	(Ú)
8 - Xáng Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
Liu Xáng	(- -)	Xáng Xáng	(XÁNG)
9 -	(- -)	Tồn	(LIU)
Liu	(- -)	Líu Liu	(CỘNG)
10 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộng	(- -)
Ú Líu	(CÔNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
11 - Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
12 - Xang Xự	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
13 - Là	(LIU)	Liu Liu	(TÍCH) “Xáng”
Xáng Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
14 - Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
Liu Liu	(XÁNG)	Xáng Liu	(- -)
15 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Liu Liu	(TÍCH) “Xáng”
Liu Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Liu	(Ú)
16 - Xáng Xáng	(XỀ)	Tồn Xê Phạn	(LIU)
Liu Xáng	(- -)	Xáng Xáng	(XÁNG)

- 11 - (La) liệt (tình)
 Đông (- -) song tòng (phi)
 12 - Tiên (- -) lai hương (thất)
 Đào huê (- -) đồ đạt yên (chi)

ÁI TỬ KÊ
Yêu đàn gà con

- 1 - (- -) Là (tay)
 Tay (- -) tay (cầm)
 2 - Này tay (- -) tay cầm (- -)
 Tâm (- -) mẫn quăng (ra)
 3 - Thương (- -) thương bày (- -)
 Thương (- -) bày gà (con)
 4 - Kia (- -) con gà (- -)
 Gà (- -) gà (con)
 5 - Kiếm (ăn) nơi (xó)
 (Vườn) (giậu)
 6 - Kêu (- -) rên (- -)
 Ta ra (rích) chích chiu (- -)
 7 - Là (- -) chiu chiu (chích)
 Con chồn (chụp) chồn (ních)
 8 - Bớ (nây) nằng (ôi)
 Anh (- -) thương (đà)
 9 - (- -) Anh (thương)
 Thương (- -) thương (đà)
 10 - Đà thương (- -) thương đà (- -)
 Thương (- -) đà quá (thương)
 11 - Thương (- -) thương bày (- -)
 Thương (- -) bày gà (con)
 12 - Không mẹ (- -) nảo nùng (- -)
 Thật (- -) nảo nùng cút (côi)
 13 - Dường như (- -) dân vong (quốc)
 Bị (- -) xích xiềng ngoại (bang)
 14 - Á (- -) á ôi (- -)
 Ta ra (rích) chích (chiu)
 15 - Gà không (mẹ) gà chiu (chích)
 Con điều (gặp) điều (xót)
 16 - Hời hời (nây) gà (con)
 Ta (-) quá đau (lòng)

17 -	(- -)	Tồn	(LIU)
Liu	(- -)	Líu Líu	(CỘNG)
18 - Tồn Tang	(TỊCH)	Tồn Cộg	(- -)
Ú Líu	(CÔNG)	Líu Xự Xang	(XÊ)
19 - Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)

- 17 - (- -) Ta (đau)
Đau (- -) thương tột (độ)
- 18 - Nhìn bầy (gà) mất mẹ (- -)
Chiu (- -) chích (chiu)
- 19 - Ta thương (- -) thương bầy (- -)
Thương (- -) bầy gà (con)

Nhị Tấn

Phần Phụ Lục

TỨ ĐẠI OÁN
Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga

*Lời xưa (lên sân khấu tại Minh Tân Khách Sạn Mỹ Tho 1910
và Ca Ra Bộ tại Vĩnh-Long 1915)*

Lớp Thủ :

- Bùi Kiệm :** 1- (- -) (- -)
(- -) (Khi)
Từ khi (- -) (Kiệm)
Thì (rớt) trở (về)
- Bùi Ông :** 2- Bùi (Ông) mắng (nhiếc)
Nhún (trê) (- -)
(Trách) quở (chàng)
Ham (bè) vui (chơi)
- Bùi Kiệm :** 3- Kiệm (thưa) tài (bất)
Thắng (thời) (- -)
(Có) lẽ (nào)
Con không (lo) bề công (danh)
- 4- Tuổi (con) hầy (còn)
Xuân (xanh) (- -)
(Ốn) mẹ (cha)
Con (- -) chưa đáp (đền)
- Bùi Ông :** 5- (- -) (- -)
(Bùi) Ông (nghe)
(Tiếng) ni (non)
Mới vượt (ve) khuyên (Kiệm)
- 6- (Thôi) con (- -)
Ở lại (nhà) (- -)
(Đặng) (hôm)
Sớm (- -) với (cha)

Lớp Xang Dài I:

(Đổi lớp : Bùi Ông vô, Nguyệt Nga ra)

- Bùi Kiệm :** 7- (- -) (- -)
(- -) (- -)
(- -) (- -)
(- -) (Đêm)
- 8- (Khuya) vừa (- -)
Lối canh (ba) (- -)
(Chôn) thơ (phòng)
Kiệm (- -) đang trần (trở)
- 9- (Bỗng) nghe trên (lâu)
Kìa (- -) ai than (thở)
(Kiệm) muốn (tường)
Cho (- -) ra duyên (cớ)

- 10- (- -) Bước (lên)
 (- -) (Xây)
 (- -) (Thấy)
 Một (- -) trang má (đào)
- 11- (Đang) xụ (mày)
 (- -) (Tóc)
 (Bỏ) rôi (- -)
 (- -) Chăng (cài)
- 12- Kiệm (khen) nhan sắc (- -)
 Ai (tày) (- -)
 (Kiệm) làm (màu)
 Giả (- -) cất tiếng (ho)
- Nguyệt Nga:** 13- (- -) Nguyệt (Nga)
 Đang (ngồi) so (đo)
 (Nghe) tiếng (ho)
 Gượng (- -) làm vui đứng (dậy)
- 14- (Tới) chấp tay (- -)
 Chào (thầy) (- -)
 (Đêm) tắm (tôi)
 Thầy (- -) đến chi (đây)

Lớp Xang Dài II:

Bùi Kiệm :

- 15- (- -) (- -)
 (- -) (- -)
 (- -) (- -)
 (- -) Kiệm (phân)
- 16- Từ (lờ) bước (- -)
 Thang (mây) (- -)
 (Trở) về (nhà)
 (Nghe) cha nói (lại)
- 17- Rằng (chồn) gia (đàng)
 (Săn) nuôi một (gái)
 (Bút) nghiên (rành)
 (Lại) thêm biết (phải)
- 18- (- -) Bụng (tôi)
 (- -) Sở (mộ)
 (- -) (Đến)
 Hôm (nay) mới tỏ (tường)
- 19- (Thiệt) tình cờ)
 (- -) Ngó (lên)
 (Chính) giữa (- -)
 Một (- -) bàn (thờ)
- 20- Khen (ai) khéo họa (- -)
 Bức tang (đồ) (- -)
 (Xin) cảm (phiên)
 (Nàng) cho tôi (xem)

Nguyệt Nga :	21-	(- -) Nguyệt (Nga) (Bèn) đứng (lên)
Bùi Kiệm :		(Kiệm) liếc (xem)
		Rõ (- -) trong duyên (có)
	21-	(Chằm) rải (- -) Phân (liền) (- -) (Tượng) này (sao) Lại (giống) anh Vân (Tiên)
<u>Lớp Xang Văn I:</u>	23-	(- -) (- -) (- -) (- -) (- -) (- -) (- -) Ta (nghe)
	24-	(Chàng) đã (- -) Qui (thiên) (- -) (Mang) tội (gì) Mà (thờ) cho uổng (kiếp)
	25-	(Thôi) (thì) (Ta) tính như (vậy) (Giờ) đó với đây (- -) Gá nghĩa (- -) trăm (năm)
	26-	(Lẽ) (trời) Đã định (phân) (- -) (Thôi) (thôi) Khép nép (chi) hời (nàng)
<u>Lớp Xang Văn II :</u>	27-	(- -) (- -) (- -) Nguyệt (Nga) (Cát) tiếng (- -) Tiếng (- -) khóc (than)
Nguyệt Nga:		
	28-	(Tủi) cho (- -) Phận hồng (nhân) (- -) (Cúi) xin (thầy) (Suy) đi tính (lại)
	29-	(Còn) phận (này) (Xin) cam (bề) (Giữ) cho (- -) Vẹn (- -) chữ (trinh)
	30-	(Chúng) có (thần) (Linh) (- -) (Xin) xét (soi) (Cho) phận (này) <i>(Thêm Bùi Ông)</i>
<u>Lớp Hồi Thủ:</u>		
Bùi Ông:	31-	(- -) (- -) (- -) (Ông) Bùi (- -) (Ông) (Bước) tới phân (trần)

- 32- Hai (oi) sao (hông)
 Xét số (phân) (- -)
 Thằng (cử) của (tôi)
 (Ôi) thôi rất (bảnh)
- 33- (- -) (Ngôn)
 Ngũ (chàng) như (lưu)
 (Sách) mấy (pho)
 (Sử) kinh cũng (thạo)
- 34- (Song) bởi (- -)
 Cháu chưa (tường) (- -)
 (Nên) (bụng)
 Cháu (- -) chưa (thương)
- Nguyệt Nga:** 35- (- -) (- -)
 (- -) (- -)
 (- -) (- -)
 (- -) Nguyệt (Nga)
- 36- (Xin) bày (- -)
 Bữa làm (chay) (- -)
 (Cho) Vân (Tiên)
 Mới (- -) phỉ (lòng)
- 37- (- -) (- -)
 (- -) Rồi (đây)
 Đó (- -) với (đây)
 Kết (- -) mối tơ (hông)
- 38- (Cùng) với (- -)
 Thầy (cử) (- -)
 (Sẽ) động (phòng)
 Sánh (duyên) (- -) ./.



BÌNH BÁN VĂN

Bùi Kiệm thi rớt

- 1- Tức tôi (thay) con thi rớt tức (thay)
- 2- Phải thi (tài) thi trí con nói (chi)
- 3- Nào hay (đâu) cứ lo thi (tiền)
- 4- Ai nhiều tiền (hơn) thì tên đứng (cao)
- 5- Con không thèm (lo) nên mới rớt (ngay)
- 6- Tấn sĩ (xu) con thà không (đậu)
- 7- Mua danh (vọng), con màng chi (trọng)
- 8- Xin cha mưa (hờn) cũng đừng giận chi (con)
- 9- Công (danh) ví không công (bằng)
- 10- Thà con (cam) vác cái cày cho (xong)
- 11- Tiếc bấy (lâu) hương hỏa đặng (công)
- 12- Tưởng chiêm (nồi) khoa đầu khóa (ni)
- 13- Tài (con) có thua mặt (nào)
- 14- Rủi xuống (thi) khóa thi lo (tiền)
- 15- Con thấy (vậy) đem dạ thàm (ghét)
- 16- Không thèm (lo) một xu nữa (cha)
- 17- Rán khóa (sau) thà muộn (danh)
- 18- Chớ đem (tiền) đem tiền mãi (danh)
- 19- Thà con (cam) chẳng chịu đó (cha)
- 20- (- -) Năm (nay)
- 21- Ví (thi) không (đậu)
- 22- Chờ hội (sau) hầu đoạt thủ (khoa).

(Bài ca này, sĩ tử và sinh viên Sài Gòn lớp 1922-1923 không ai là không thuộc. Không biết tác giả. Theo Hồi ký 50 năm mê hát của Vương Hồng Sển).

HÀNH VĂN

(Lời xưa)

- 1 - (Hội) ca (cầm)
- 2 - Là (hội) ca (cầm)
- 3 - Chúc cậu (mợ) được giàu (sang)
- 4 - (Vinh) huê phú (quới)
- 5 - Phú (quới) vinh (huê)
- 6 - Sổng bá (niên) trường (thọ)
- 7 - (Đông) con (cháu)
- 8 - Trên ô (tô) dưới thời ca (nô)
- 9 - Nằm giường (ngà) lại thêm nệm (gấm)
- 10 - Đi (đôi) giày ma (mị)
- 11 - (Ngôi) thời nệm (loan)
- 12 - (Bịt) cái răng (vàng)
- 13 - Che cây (dù) xi cu (la)

- 14 - Giồng (hình) tiên nga (- -)
- 15 - (Tay) cầm ống (píp)
- 16 - (Hút) thuốc xi (gà)
- 17 - Quân (áo) gấm vóc lụa (là)
- 18 - Dầu (chanh) dầu thơm (- -)
- 19 - Nhà lâu (thời) bốn bên thành (khoanh)
- 20 - (Xem) vô trong (túi)
- 21 - Bóp phoi (- -) xài rặc giấy (xăng).

TÂY THI VẤN
Tài sắc Tây Thi

Soạn lời : Phạm Văn Nghi.1960

Lớp I :

- 1 - (- -) Xuân (Thu)
Tranh (- -) hùng Ngô Việt can (qua)
- 2 - Câu (Tiền) thảm bại (vong)
Biết (- -) bao nhiêu tui (nhục)
- 3 - Nặng (lòng) vì non (sông)
Quyết (tâm) rửa hận thù (xua)
- 4 - Cho giống (nòi) vẻ vang (- -)
Lê dân (- -) khởi lâm (than)
- 5 - Giang (san) khi tui (nhục)
Chí sĩ (- -) gánh nặng thâm (thù)
- 6 - Quyết (lòng) dụng kế mỹ (nhân)
Rửa hờn (cho) nước Việt (- -)
- 7 - Phạm Lãi (tìm) Tây Thi (- -)
(Sắc) nước hương (trời)
- 8 - Vì (con) quốc gia hữu (sự)
Nhi nữ (- -) phải quên (mình)
- 9 - Để (phụng) sự nước (nhà)
Nêu gương (giới) quân thoa (- -)

Lớp II :

- 10 - (- -) Khí (thiên)
Thủy (- -) tú sơn (minh)
- 11 - Tài (sắc) khéo điểm (tô)
Của cầm (tú) giang san đất (Việt)
- 12 - Ngọc (Thố) cũng phải (nhường)
Kém (- -) bề sáng (rỡ)
- 13 - Mây (thua) tóc xanh tươi (mịn)
Tuyết trắng (- -) nhường màu (da)
- 14 - Gẫm (tài) sắc ấy (- -)
Nhụy hoa (- -) kém hương (thơm)
- 15 - Từ (cổ) chí lai (kim)
Biết bao (- -) trang sắc (lịch)
- 16 - Vương (Tường) đến Ngụ (Cơ)
Dương Quý (Phi) cá đăm nhận (sa)

- 17 - Phụ (nữ) tài hoa (- -)
Nhưng sắc đẹp (- -) ấy làm (chi) ?
- 18 - Sắc (son) điểm tô xinh (lịch)
Vui (thú) hặng râu (mày)
- 19 - Như (cầm) ngọc quý trên (tay)
Tung (tiu) vô dụng (- -)
- 20 - Phi công (trình) đất nước tinh (hoa)
Ích (chi) cho dãy san (hà) ?
- 21 - Còn Tây (Thi) phải trang nữ (kiệt)
Đem tài (sắc) giúp ích nước (nhà)
- 22 - Thiên (hương) khéo tạo một (cảnh)
Phẩm lượng (cũng) thanh cao (- -)

- Lớp III :**
- 23 - (- -) Khi (xong)
Giặc (thù) Phù Sai (- -)
 - 24 - Vui (thú) với giang (hồ)
(Yên) hà sơn (thủy)
 - 25 - Công (danh) nơi tục (lụy)
Đâu (quản) tước trọng công (hầu)
 - 26 - Giai (nhân) cân quắc tuyệt (vời)
Khí (phách) cũng thanh (cao).

CỔ BẢN VĂN **Trang Tử thử vợ**

- Lớp I :**
- 1 - (- -) Tích (xưa)
Trang Tử (- -) người thử (vợ)
 - 2 - Còn ghi (- -) trong “ Cổ Bồn (Ca)”
Người người (vẫn) ghi rằng (- -)
 - 3 - Nhon tình (tợ) cánh chuồn mỏng (manh)
Kìa (ai) cũ vong mới (chuộng)
 - 4 - Chẳng giữ (đạo) cang thường (- -)
Bày (ra) điều nhuốc (nhơ)
 - 5 - (Chẳng) nhớ (khi)
Lời trăm (năm) sơn minh hải (thê)
 - 6 - Đẻ (tiếng) xấu hổ cười (chê)
Cho thân (phận) má hồng (- -)
 - 7 - Thường thay (lòng) đôi dạ rất (mau)
Cho (nên) sử ghi chép (lại)
 - 8 - (Ghi) để cho ngàn (sau)
Lên (án) những kẻ bạc (tình)
 - 9 - Đâu há (dễ) nào sai (- -)
Gẫm (trong) bao nhiêu thế (sự)
 - 10 - Vợ mình (đẻ) người lấy (- -)
Con người (máng) ruộng người (cày)

- 11 - (Ngựa) để cho người (cỡi)
 Gâm (lại) ghê gớm cuộc (đời) !
- 12 - Bời (vì) nhọn tâm thế (sự)
 Nó (thường) biến đổi vùn (xoay),
- 13 - Sớm một (dạ) chiều lại đổi (lòng)
 Nào ai (hỡi) có hay ?(- -)
- 14 - Bời (lòng) người khó (toan)
 Thường hay (thay) đổi luôn (- -)
- Lớp II :** 15 - Dẫu biết (rằng) từ xưa tới (nay)
 Hễ (là) bông hoa tươi (đẹp)
- 16 - Luôn (luôn) nó vẫn có (gai)
 Nếu (muốn) hút nhụy vinh (cảnh)
- 17 - Sao khỏi (bị) gai đâm (- -)
 Hễ (càng) trau dồi phần (son)
- 18 - Thì (càng) sanh ra hoa (nguyệt)
 Lãng (lơ) trắng gió gió (trắng)
- 19 - Phí (bỏ) kiếp má (hông)
 Làm như (phận) quần thoa (- -)
- 20 - Phương (ngôn) ngàn xưa để (lại)
 Hậu (thế) mãi lưu (truyền)
- 21 - Lang tâm (hữu) xảo ngôn (- -)
 Thật (là) ngán ngẫm (thay)!
- 22 - Rõ (ràng) là nhứt (dạ)
 Sanh (ra) bá kế mưu (ngàn)
- 23 - Hỡi chung (tình) hãy nên nghĩ (lại)
 Bời sự (thật) khó tìm (- -)
- 24 - Giữa cuộc (đời) giả dối tình (ma)
 Trau (giỏi) tứ đức thêm (xinh)
- 25 - Hầu phong (kín) hương thơm (- -)
 Hỡi ai (là) khách nữ (lưu)
- 26 - Phải trọng (mình) như là vàng (ngọc)
 Giữ sao (cho) trọn đạo tam (tùng)
- Lớp III :** 27 - Trăm (năm) bền duyên gắn (chặt)
 Tình ân (ái) keo sơn (- -)
- 28 - Có (gì) là quý trọng (hơn)
 Bằng trong (cuộc) nợ duyên (- -)
- 29 - Vậy (ai) hãy khá quan (tâm)
 Chớ (nên) một mặt hai (lòng)
- 30 - (Rồi) sanh tâm đổi (dạ)
 Mà (không) trọn đạo vợ (chồng)
- 31 - Giữ (sao) cho là duyên (nợ)
 Thắt chặt (mối) tâm đồng (- -)
- 32 - Mới trọn (gìn) vẹn đạo tào (khang)
 Hãy (chừa) những thói đời (thay)

- 33 - Tạo hạnh (phúc) tương lai (- -)
Muốn (tròn) cái nghĩa gôi (chấn)
- 34 - Tứ đức tam (tòng) gìn sao cho (vẹn)
Thì không (- -) tủi thẹn má (hông).



Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán

Bài viết : Nguyễn Tấn Nhi

Khoảng cuối thế kỷ 19, các bản Lưu Thủy, Bình Bán, Kim Tiền, Hành Vân, Tứ Đại Cảnh v.v... của Ca nhạc Huế, được các thầy dạy nhạc xứ Huế, xứ Quảng, đem vào đất Nam Bộ phổ biến. Những bài bản này thấm đượm tình cảm, tâm hồn người Việt Nam, được giới Đờn ca tài tử Nam bộ hoan nghinh, đua nhau tìm học.

Bài bản cổ truyền thường được ghi chữ đờn căn bản, giản dị, nhưng khi đờn nhạc sĩ do tâm tư tình cảm riêng của mình mà thêm thắt, nhấn nhá chữ đờn để biến đổi điệu thức nguyên thủy thành một điệu hoàn toàn mới, rất thường thấy trong các Nhóm tài tử, thí dụ Hành Vân Bắc thành Hành Vân Ai, Cổ Bản Bắc thành Cổ Bản Ai, Tây Thi Bắc thành Tây Thi Quảng, Ngũ Đối Hạ chuyển cung chuyển điệu thành Ngũ Đối Ai, v.v...

Bản Tứ Đại Cảnh cũng được biến tấu từ điệu Bắc nhịp đôi hơi dựng (không buồn không vui) của Ca nhạc Huế thành điệu Bắc hơi dựng kiểu Nam bộ. Lần lượt theo thời-gian, các nhạc sĩ bỏ bớt một số câu của Bản Tứ Đại Cảnh, từ 46 câu thành 38 câu, nói nhịp lời ra, đờn theo cách nhịp 4 tức 19 câu, nhấn nhá chữ Xang chữ Cộng nhiều hơn thành một làn điệu mùi hơn. Điệu Oán bắt đầu manh nha thành hình. Giai đoạn này Bản Tứ Đại Cảnh biến thể được gọi là Tứ Đại Cảnh Nam Phần (cũng có người gọi là Tứ Đại Vắn).

Những ngày đầu của thế kỷ 20, bản Tứ Đại Cảnh Nam Phần không còn đờn kiểu biến thể tùy hứng mà đã được sắp xếp, phân lớp. phân câu, nhịp nội, nhịp ngoại, mô, châu phân minh, giữ số câu 38, đờn nhịp 4, sau nói ra nhịp 8 và được gọi tên là Tứ Đại Oán. Điệu thức Oán ra đời và được kể là một trong bốn làn điệu chánh là Bắc, Hạ, Nam, Oán trong 20 Bản Tổ của Nhạc tài tử Nam Bộ.

Ta không cần tìm hiểu tác giả bản Tứ Đại Oán là ai vì tiền thân của nó là bản Tứ Đại Cảnh và đây là một công trình tập thể của nhiều nhạc sĩ kế tiếp nhau của hai khối Nhạc miền Đông và miền Tây Nam Bộ (Người có công đầu tiên là nhạc sư Ba Đợi tức Nguyễn Quang Đại, nhạc công của triều đình Huế vô Nam Bộ, dạy Nhạc Cổ Truyền hồi cuối thế kỷ 19). Trường hợp này cũng giống với trường hợp của bản Vọng Cổ. Từ bản Hoài Lang của cố nhạc sĩ Sáu Lầu (Cao-Văn-Lầu), các nhạc sĩ của Đờn ca tài tử và Sân khấu cải lương Nam bộ, nối tiếp nhau, nói nhịp lời ra từ nhịp đôi thành 4, 8, 16, 32, 64, 128, thêm chữ, chạy ngón, sắp xếp láy châu, láy dứt để đáp ứng nhu cầu trình tấu, ca diễn...

Bản Tứ Đại Cảnh tương truyền là của vua Tự-Đức, sáng-tác đề ca ngợi 4 cảnh lớn của trời đất là Xuân, Hạ, Thu, Đông, nhưng cũng có người cho là vua Tự Đức có ngụ ý tôn vinh 4 cảnh đời thanh trị của vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức (chữ Đại là Đời).

Tên bản Tứ Đại Oán cũng có nhiều thuyết:

1 --Để đổi lại sự tôn vinh bốn cảnh đời vua triều Nguyễn của vua Tự Đức, các nhạc sĩ yêu nước đất Nam Bộ, đã mĩa mai chế độ phong kiến nhà Nguyễn, vì bắt lức trước nạn ngoại xâm, triều đình Huế, phé lập tùy tiện liên tiếp 4 đời vua mà từng mảnh đất thân yêu của tổ quốc vẫn rơi vào tay giặc Pháp. Đúng là 4 cái Oán Lớn hoặc 4 Đời oán hận của 4 đời vua tiếp sau vua Tự Đức.

2 --Sở dĩ bản Tứ Đại được mang tên là Tứ Đại Oán, là vì cấu trúc âm thanh của nó có sự ưu thế về số lượng chữ Oan (chữ Cộng già, điệu Nam gọi là Phan, điệu Oán gọi là Oan).

3 --Một số nhạc sĩ, ảnh hưởng thuyết Phật giáo, có ý thức muốn giải thoát cái thân xác vật chất cấu tạo bằng Tứ Đại Càn Khôn (Nước, Lửa, Gió, Đất) mà luôn bị đau khổ bởi tứ diệu đế là Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Sự đúng hay sai của các thuyết trên cần phải được nghiên cứu thêm. Đối với các nhạc sĩ Đờn ca tài tử Nam Bộ, chữ oán trong âm nhạc là để chỉ một điệu thức buồn sâu xa nhưng bi hùng chứ không bi lụy như điệu Nam Ai. Khi vừa xuất hiện, điệu Oán đã tạo được một thời vàng son, không thua kém gì bản Vọng Cổ ngày nay. Điệu Oán là một Âm điệu chủ đạo của bộ môn Đờn ca tài tử Nam Bộ qua nhiều thập niên liên tiếp. Các tập bài ca Tứ, Lục, Bát, Thập Tài Tử, xuất bản từ năm 1909 đến 1915 tại Sài-Gòn, đã minh chứng được điệu này. Một điểm quan trọng khác nữa, là vào năm 1915, bản Tứ Đại Oán Bùi Kiệm Nguyệt Nga là bài bản Đờn ca tài tử Nam bộ đầu tiên, được ông Tống Hữu Định tặc danh ông Phó Mười Hai ở Vĩnh Long đưa lên bộ ván đề Ca ra bộ, mở màn cho loại hình Ca kịch cải lương, phát triển từ đó cho tới nay.

Sự cấu trúc bản Tứ Đại Oán rất chặt chẽ về mặt văn học nghệ thuật. Theo quyển Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam của học giả Trần Văn Khải, một nhà sưu tầm, nghiên cứu rất uy tín về các bộ môn Hát bội, Đờn ca tài tử và Sân khấu Cải lương Nam bộ, thì người sáng tác bản Tứ Đại là một nhạc sư kiêm thi sĩ. Bản Tứ Đại là một Bài thơ bát cú Đường luật. Các lớp I, II, Xang Dài I, Xang Dài II, Xang Vắn I, Xang Vắn II, Hồi Thủ, Xang Dứt, tương ứng với các câu Phá, Thừa, Cặp Trạng, Cặp Luận, câu Chuyển, câu Kết của một bài thơ Đường.

Để kết luận, bản Tứ Đại Oán là thuộc Điệu Oán hay Hơi Oán ?

Trong Bản luận án về Âm nhạc cổ truyền Việt Nam, giáo sư tiến sĩ Trần Văn Khê, không công nhận Oán là một điệu thức mà coi là một hơi trong 4 hơi của điệu thức Nam (Nous ne considérons pas la nuance Oán comme un système modal différent du système modal Nam, mains comme une nuance de ce système).

Chúng tôi không đồng ý gọi bản Tứ Đại Oán là thuộc điệu thức Nam hơi Oán.

Thật vậy, tất cả các nhạc sĩ của các thế hệ đi trước chúng ta, đã công nhận điệu Oán là một trong 4 điệu Bắc, Hạ, Nam, Oán, căn bản và nòng cốt của các loại bài bản Đờn ca tài tử Nam bộ. Tứ Đại Oán hoàn toàn không giống bản Nam nào trong 3 bản Nam hiện có, thang âm đi từ hai Ngũ cung (Nhạc tây phương là 2 Octave), từ cung cao về cung trầm không qua trung gian của chữ Xừ, chữ Cộng, dứt câu là dứt khoát không về Xàng lên Xang của điệu Nam, cấu tạo bằng 4 chữ chánh Liu, Xê, Xang, Hò, vẫn còn giữ được cái sườn cứng của điệu Bắc nên đã tạo ra được một làn điệu mùi mẫn nhưng hùng tráng riêng biệt, không lẫn lộn với hơi ai oán của bản Xuân Nữ hay hơi nam của điệu Nam Ai và hoàn toàn khác với bản Vọng Cổ vì nữ ca sĩ ca Oán phải ca Dây kép của bản Vọng Cổ và ngược lại, Nam ca sĩ phải ca Dây đào thì mới lột tả hết cái tinh diệu trong cấu trúc âm thanh, rất đặc thù của điệu Oán.

Tóm lại, bản Tứ Đại Oán rất xứng đáng đại diện cho một điệu thức riêng biệt, đó là Điệu Oán, một điệu nhạc đặc biệt của Nhạc tài tử Nam Bộ và do công trình sáng tạo tập thể của nhiều lớp nhạc sĩ của đất Đồng Nai và đồng bằng sông Cửu Long. Điệu Oán là tổng hợp những tinh hoa thuần túy Việt Nam, của Nhạc ngũ cung cổ truyền, chính thống, theo đoàn người Nam tiến, không hề bị ảnh hưởng của các dòng nhạc Triều Châu, Quảng Đông, Khờ Me hay lai căng âm nhạc Tây phương./.



Hết Tập II

Nhị Tấn

MỤC LỤC

TẬP 1-5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Lời nói đầu.....		1	1
Lược khảo.....		5	1

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1. Lý Vọng Phu.....	<i>Vọng Phu</i>	16	1
2. Lý Giao Duyên.....	<i>Trông Chông</i>	18	1
3. Lý Ngựa Ô Bắc.....	<i>Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga</i>	18	1
4. Lý Ngựa Ô Nam.....	<i>Nguyễn Trãi Tiễn Cha</i>	18	1
5. Lý Ngựa Ô Nam.....	<i>Nguyễn Trãi Tiễn Cha</i>	20	1
6. Lý Con Sáo.....	<i>Ngắm Cảnh Khơi Nguồn</i>	20	1
7. Lý Con Sáo.....	<i>Ngắm Cảnh Khơi Nguồn</i>	22	1
8. Lý Phước Kiến.....	<i>Từ Thị Quốc Thái</i>	22	1

II. Các bản gốc miền Trung:

1. Lưu Thủy Đoàn.....	<i>Kim Kiều Hoa Viên Ngô</i>	24	1
2. Bình Bán Vắn.....	<i>Kim Kiều Hoa Viên Ngô (tiếp theo)</i>	24	1
3. Kim Tiền Huế.....	<i>Kim Kiều Hoa Viên Ngô (tiếp theo)</i>	26	1
4. Hành Vân.....	<i>Nợ Cái Duyên Gì</i>	28	1
5. Tứ Đại Cảnh.....	<i>Nhị Thập Tứ Hiếu</i>	28	1

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát tử:

1. Thủ Lưu Thủy Tầu Mã.....	<i>Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ</i>	32	1
2. Thủ Phú Lục Tầu Mã.....	<i>Kiểm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ</i>	32	1
3. Thủ Bình Bán Tầu Mã.....	<i>Đùa Đẻ Vui Cha Mẹ</i>	34	1
4. Thủ Cổ Bản Tầu Mã.....	<i>Khóc Tre Nảy Măng</i>	34	1
5. Thủ Xuân Tình Tầu Mã.....	<i>Bán Minh Chôn Cha</i>	36	1
6. Thủ Tây Thi Tầu Mã.....	<i>Hài Dâu Nuôi Mẹ</i>	38	1
7. Thủ Lưu Thủy Vắn.....	<i>Cho Mẹ Chông Bú</i>	40	1
8. Thủ Phú Lục Vắn.....	<i>Quạt Nồng Ấp Lạnh</i>	42	1
9. Thủ Bình Bán Vắn.....	<i>Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ</i>	44	1
10. Thủ Cổ Bản Vắn.....	<i>Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ</i>	46	1
11. Thủ Xuân Tình Vắn.....	<i>Giữ Hồ Cứu Cha</i>	50	1
12. Thủ Tây Thi Vắn.....	<i>Nằm Trên Bểng Tìm Cá Chép</i>	52	1
13. Thủ Lưu Thủy Trường.....	<i>Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời</i>	54	1
14. Thủ Phú Lục Chấn.....	<i>Cấn Tay Mẹ Đau Lòng Con</i>	58	1
15. Thủ Bình Bán Chấn.....	<i>Hung Đạo Đại Vương</i>	62	1
16. Thủ Cổ Bản Trường.....	<i>Ông Trương Công Định</i>	66	1
17. Thủ Xuân Tình Chấn.....	<i>Anh Hùng Lý Thường Kiệt</i>	74	1
18. Thủ Tây Thi Trường.....	<i>Bình Định Vương Lê Lợi</i>	78	1

Phần Phụ Lục

1. Kim Tiền Huế.....	<i>Xuân Nghĩa Tình</i>	89	1
----------------------	------------------------------	----	---

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
2. Cửu Khúc Giang Nam.....	<i>Mộ Chiến Sĩ Vô Danh</i>	89	1
3. Liêu Giang.....	<i>Mẹ</i>	91	1
4. Tiểu Khúc.....	<i>Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực</i> ..	91	1
Bài Khảo Cứu.....	<i>Đồn Kim Và Dịch Học Đông Phương</i>	94	1

Phần chánh biên

B – Thập bát vĩ:

1. Lưu Thủy Tẩu Mã	<i>Vân Tiên Cứu Nguyệt Nga</i>	100	2
2. Phú Lục Tẩu Mã.....	<i>Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên</i>	100	2
3. Bình Bán Tẩu Mã.....	<i>Vân Tiên Kết Bạn Hón Minh</i>	102	2
4. Cổ Bản Tẩu Mã	<i>Vân Tiên Kết Bạn Tử Trục</i>	102	2
5. Xuân Tình Tẩu Mã.....	<i>Ông Quán</i>	104	2
6. Tây Thi Tẩu Mã.....	<i>Ông Quán</i>	106	2
7. Lưu Thủy Vắn.....	<i>Kiều Du Thanh Minh</i>	108	2
8. Phú Lục Vắn.....	<i>Tiền Sĩ Việt Nam</i>	110	2
9. Bình Bán Vắn.....	<i>Tích Đầm Nhứt Dạ</i>	110	2
10. Cổ Bản Vắn	<i>Ngư Ông</i>	114	2
11. Xuân Tình Vắn.....	<i>Bốn Vị Anh Hùng Chống Pháp</i>	116	2
12. Tây Thi Vắn	<i>Trọng Thủy Mỹ Châu</i>	120	2
13. Lưu Thủy Trường.....	<i>Bá Nha Tử Kỳ</i>	122	2
14. Phú Lục Chấn.....	<i>Bá Nha Tử Kỳ (tiếp theo)</i>	126	2
15. Bình Bán Chấn	<i>Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên</i>	130	2
16. Cổ Bản Trường.....	<i>Tình Nghĩa Vợ Chồng</i>	134	2
17. Xuân Tình Chấn	<i>Kiều Vãng Trọng Hiên</i>	140	2
18. Tây Thi Trường.....	<i>Lễ Nhạc Giáo Hóa Dân Tâm</i>	146	2

C – 6 bản Bắc Tẩu Mã cải biên:

1. Lưu Thủy Tẩu Mã	<i>Đường Quê</i>	152	2
2. Phú Lục Tẩu Mã.....	<i>Đường Quê</i>	152	2
3. Bình Bán Tẩu Mã.....	<i>Đường Quê</i>	154	2
4. Xuân Tình Tẩu Mã.....	<i>Đường Quê</i>	154	2
5. Tây Thi Tẩu Mã.....	<i>Đường Quê</i>	156	2
6. Cổ Bản Tẩu Mã	<i>Đường Quê</i>	158	2

D – Bộ Ngũ Châu:

1. Kim Tiền Bản	<i>Giống Rồng Tiên</i>	160	2
2. Ngự Giá.....	<i>Từ Hải Lâm Mưu</i>	162	2
3. Hồ Lan.....	<i>Thúy Kiều Lâm Mưu</i>	164	2
4. Vạn Liên.....	<i>Dùng Mẹo Trị Côn Đồ</i>	164	2
5. Song Phi Hồ Điệp.....	<i>Vọng Chinh Phu</i>	166	2

E – Bộ Tứ Bửu:

1. Minh Hoàng Thường Nguyệt.....	<i>Khúc Nghê Thường</i>	168	2
2. Ngự Giá Đăng Lôu	<i>Tửu, Nhạc Đăng Lôu</i>	170	2
3. Phò Mã Giao Duyên.....	<i>Đêm Vu Quy</i>	172	2
4. Ái Tử Kê.....	<i>Thương Bầy Gà Con</i>	174	2

Phần Phụ Lục

1.	Tứ Đại Oán	<i>Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga</i>	181	2
2.	Bình Bán Vắn	<i>Bùi Kiệm Thi Rớt</i>	185	2
3.	Hành Vân	<i>Hội Ca Cầm</i>	185	2
4.	Tây Thi Vắn	<i>Tài Sắc Tây Thi</i>	186	2
5.	Cổ Bản Vắn	<i>Trang Tử Thử Vợ</i>	187	2
	Bài Khảo Cứu	<i>Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán</i>	190	2

Phần chánh biên

F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:

1.	Phẩm Tuyệt	<i>Thú Cầm</i>	194	3
2.	Nguyên Tiêu	<i>Thú Kỳ</i>	196	3
3.	Hồ Quảng	<i>Thú Thi</i>	198	3
4.	Liên Hườn	<i>Thú Họa</i>	198	3
5.	Bình Nguyên	<i>Thú Rượu</i>	200	3
6.	Tây Mai	<i>Thú Trà</i>	204	3
7.	Kim Tiền	<i>Thú Bè Bạ</i>	204	3
8.	Xuân Phong	<i>Thú Yêu Đương</i>	206	3
9.	Long Hồ	<i>Thú Đợi Chờ</i>	206	3
10.	Tẩu Mã	<i>Thú Cô Đơn</i>	208	3

G – Cử Nhĩ:

11.	Hội Ngươn Tiêu	<i>Thúy Kiều Hoa Viên Ngô</i>	211	3
12.	Bát Bản Chấn	<i>Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang</i>	212	3

IV. Các bài Nhạc Lễ:

1.	Xàng Xê	<i>Thúy Kiều Vịnh Tích</i>	220	3
2.	Ngũ Đối Thượng	<i>Kiều Du Thanh Minh</i>	226	3
3.	Ngũ Đối Hạ	<i>Kim Kiều Hoa Viên Ngô</i>	234	3
4.	Long Đăng	<i>Kiều Vãng Trọng Hiên</i>	238	3
5.	Long Ngâm	<i>Tống Trọng Qui Tang</i>	242	3
6.	Vạn Giá	<i>Biệt Mãi Thanh Lâu</i>	244	3
7.	Tiểu Khúc	<i>Dữ Thúc Thành Hôn</i>	250	3
8.	Ngũ Đối Ai	<i>Công Ôn Cha Mẹ</i>	252	3
9.	Chiết Tứ Vĩ	<i>Kinh Kha Náo Tần Đình</i>	256	3

V. Các bản Nam:

1.	Nam Xuân	<i>Tích Thúy Kiều</i>	260	3
2.	Nam Ai	<i>Tích Thúy Kiều (tiếp theo)</i>	268	3
3.	Đảo Ngũ Cung	<i>Tích Thúy Kiều (tiếp theo)</i>	278	3

Phần Phụ Lục

1.	Đảo Ngũ Cung	<i>Gương Mê Sắc</i>	291	3
2.	Bài Khảo Cứu	<i>Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử</i>	295	3

Phần chánh biên

VI. Các bản Oán:

1.	Tứ Đại Vắn..... <i>Thúy Kiều Tự Trâm</i>	300	4
2.	Tứ Đại Oán..... <i>Bá Lý Hề</i>	303	4
3.	Phụng Hoàng Cầu..... <i>Bỉ Vận Kiều Nương</i>	310	4
4.	Giang Nam Cửu Khúc..... <i>Kim Kiều Hoa Viên Ngô</i>	320	4
5.	Phụng Cầu Hoàng Duyên..... <i>Tư Mã Tương Như</i>	332	4
6.	Ngươn Tiêu Hội Oán..... <i>Đoạn Trường Tân Thanh</i>	340	4
7.	Võ Văn Hội Oán..... <i>Khí Tiết Thủ Khoa Huân</i>	346	4
8.	Bình Sa Lạc Nhạn..... <i>Khúc Đoạn Trường</i>	352	4
9.	Thanh Dạ Đề Quyên..... <i>Chinh Phụ Thán Ca</i>	360	4

VII. Tám bản Ngự:

1.	Đường Thái Tôn..... <i>Cảnh Xuân</i>	368	4
2.	Vọng Phu..... <i>Xuân Nhứt Hoài Cố Nhân</i>	370	4
3.	Chiêu Quân..... <i>Cảm Xuân Chúc Cảm Hối Văn</i>	372	4
4.	Ái Tử Kê..... <i>Thương Bầy Gà Con</i>	374	4
5.	Bát Man Tấn Công..... <i>Lạc Xuân</i>	374	4
6.	Tương Tư..... <i>Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà</i>	380	4
7.	Duyên Kỳ Ngô..... <i>Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên</i>	384	4
8.	Quả Phụ Hàm Oan..... <i>Thuyền Quyên Bạc Phận</i>	388	4

Phần Phụ Lục

1.	Ba Bản Nam..... <i>Tô Huệ Chúc Cảm Hối Văn</i>	395	4
2.	Xàng Xê..... <i>Kho Vàng Sầm Sơn</i>	404	4
	Bài Khảo Cứu..... <i>Giỗ Tổ Nhạc Lễ</i>	407	4

Phần chánh biên

VIII. Các bản Ai Oán:

1.	Trường Tương Tư..... <i>Phu Phụ Ly Sầu</i>	414	5
2.	Văn Thiên Tường..... <i>Bá Lý Hề</i>	416	5
3.	Võ Tắc Biệt..... <i>Anh Hùng Nguyễn Trung Trực</i>	424	5
4.	Võ Tắc Biệt..... <i>Mẹ</i>	430	5
5.	Xuân Nữ..... <i>Oan Án Lệ Chi Viên</i>	434	5
6.	Khổng Tử Khóc Nhan Hối..... <i>Khấp Phục Thánh Nhan Tử</i>	438	5
7.	Chinh Phụ Ly Tình..... <i>Chinh Phụ Thán</i>	440	5

IX. Các bản có nhiều Hơi Diệu:

1.	Liêu Giang..... <i>Chinh Phụ Thán</i>	442	5
2.	Ngũ Quan..... <i>Con Tế Mẹ</i>	444	5
3.	Dạ Cổ Hoài Lang..... <i>Dạ Cổ Hoài Lang</i>	444	5
4.	Tứ Bửu Liêu Thành..... <i>Tiếng Quê Hương</i>	446	5
5.	Ngũ Châu Minh Phổ..... <i>Thú Cầm Ca</i>	450	5
6.	Nam Âm Ngũ Khúc..... <i>Nguyễn Trãi Bình Ngô</i>	454	5

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
7. Ngũ Cung Luân Hoán.....	<i>Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi</i>	458	5
8. Khúc Hận Nam Quan	<i>Khúc Hận Nam Quan</i>	460	5
9. Ngũ Khúc Long Phi.....	<i>Xuân Lịch Sử</i>	466	5
X. Tam Bắc nhị Oán:			
1. Hội Huê Đăng.....	<i>Cảnh Xuân</i>	468	5
2. Lục Luật Tiêu Hà.....	<i>Từ Hải Sa Cơ</i>	472	5
3. Bắc Ngự.....	<i>Bá Nha Tử Kỳ</i>	476	5
4. Quả Phụ Hàm Oan.....	<i>Thân Phận Thúy Kiều</i>	480	5
5. Xuân Tình Bát Oán.....	<i>Mẹ Dạy Con</i>	486	5
Phần Phụ Lục			
1. Ngũ Đối Hạ.....	<i>Tôn Tẫn Bàng Quyên Tâm Sư Học Đạo</i> ...	499	5
2. Long Đăng.....	<i>Bàng Quyên Xhống Núi</i>	501	5
3. Tiểu Khúc	<i>Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn</i>	503	5

